

PHỤ LỤC I
MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO
DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG AN LÃO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2024

(Thời điểm báo cáo ngày 30 tháng 9 năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT An Lão

2. Địa chỉ: Số 43 Lê Lợi, thị trấn An Lão, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Điện thoại: 02253.872.275

- Thư điện tử: thpt-anlao@haiphong.edu.vn

- Trang Website: <http://thptanlaohp.edu.vn>

3. Loại hình cơ sở giáo dục:

- Loại hình: Trường THPT công lập.

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường:

- Sứ mạng: Tạo môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, chất lượng, hiệu quả dựa trên ba trụ cột là giáo viên - học sinh - phụ huynh.

- Tầm nhìn: Xây dựng trường THPT An Lão trở thành ngôi trường có chất lượng cao, trọng điểm của thành phố Hải Phòng. Nơi mà học sinh sẽ lựa chọn học tập, rèn luyện để vươn tới đỉnh cao - giáo viên có khát vọng cống hiến.

- Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Cách thành phố Hải Phòng 18 km, theo đường quốc lộ 10 có một ngôi trường nằm ẩn mình dưới những vòm cây xanh mát, ngôi trường từ lâu đã trở thành một địa chỉ tin cậy, một nơi trồng người mà tất cả thầy người dân vùng đất này đều yêu mến trân trọng. Ngôi trường ấy ra đời năm 1965, ngay trong khói lửa đạn bom của cuộc kháng

chiến chống Mỹ cứu nước oanh liệt của dân tộc. Đó là Trường THPT An Lão – Hải Phòng ngôi trường đã trở thành niềm tự hào của bao thế hệ thầy và trò và nhân dân địa phương.

Trong hơn 59 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, phát huy truyền thống thông minh, hiếu học của Trạng nguyên Trần Tất Văn và truyền thống của quê hương núi Voi bất khuất:

*"ĐÔNG THẾ, ĐÔNG TRIỀU, TAM TIẾN SĨ
NHẤT GIA, NHẤT NHẬT, LƯƠNG VINH QUY"
(CÙNG MỘT THỜI, CÙNG MỘT TRIỀU, CÓ BA NGƯỜI ĐỠ TIẾN SĨ
CÙNG MỘT NHÀ, CÙNG MỘT NGÀY, CÓ HAI NGƯỜI ĐỠ ĐẠI KHOA
VINH QUY BÁI TỔ)
"ĐỨNG TRÊN ĐỈNH NÚI TA THỀ
KHÔNG GIẾT ĐƯỢC GIẶC KHÔNG VỀ NÚI VOI"*

59 năm qua rường THPT An Lão đã đạt được nhiều thành tích xuất sắc trong mọi lĩnh vực hoạt động:

- Nhiều năm liên tục nhà trường đạt danh hiệu thi đua "Tập thể lao động tiên tiến xuất sắc cấp Thành phố".

- Luôn đứng ở vị trí tốp đầu trong khối các trường THPT thành phố Hải Phòng về chất lượng giáo dục toàn diện (đặc biệt là chất lượng học sinh giỏi và học sinh thi đỗ vào Đại học).

- Năm 2000 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng ba.

- Năm 2005, được UBND thành phố Hải Phòng công nhận là "Trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2001 - 2010", được tặng danh hiệu "Trường xanh sạch đẹp nhất thành phố giai đoạn 2000 - 2005"

- Trường được công nhận kiểm định chất lượng mức độ 3 (mức độ cao nhất) năm 2013.

- Từ năm 1998 đến nay đoàn TNCS Hồ Chí Minh liên tục được nhận bằng khen của Trung ương đoàn. Năm học 2013 - 2014 và năm học 2018 - 2019 Đoàn trường nhận danh hiệu " Lá cờ đầu khối THPT trong toàn thành phố". Năm học 2020 – 2021 Đoàn trường nhận danh hiệu đơn vị xuất sắc dẫn đầu khối THPT của Trung Ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và nhận được cờ thi đua của Trung ương đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

- Có 2 học sinh tham gia cuộc thi "Đường lên đỉnh Olympia", năm thứ 2 (Nguyễn Hải Dũng) và năm thứ 3 (Bùi Hải Kiên) đều được giải nhì quý.

- Nhiều học sinh đỗ thủ khoa, á khoa vào các trường Đại học - Cao đẳng và cụm thi các tỉnh.

- Hàng năm tỷ lệ đỗ Đại học – Cao đẳng trên 90%; nhiều học sinh đỗ vào các trường Đại học top đầu Việt Nam.

Có được những thành tích ấy, trước hết phải kể đến sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo: thành phố Hải Phòng, Sở GD&ĐT Hải Phòng, Huyện An Lão. Thêm vào đó là sự đồng thuận và nhất trí cao của Hội cha mẹ học sinh - những người luôn theo sát nhà trường trong mọi hoạt động. Đặc biệt, đó là kết quả của sự phấn đấu không mệt mỏi của bao nhiêu thế hệ cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh đã từng công tác và học tập dưới mái trường này.

Thế hệ nào cũng có những nhà giáo tài hoa, mẫu mực, giàu nhiệt huyết, toàn tâm toàn ý vun đắp cho sự nghiệp trồng người.

Nhắc đến những người thầy đầu tiên của lớp học nơi sơ tán, các thế hệ học sinh nhà trường luôn tràn đầy cảm xúc thân thương, kính trọng. Đó là thầy Đào Thành Khang, Hiệu trưởng đầu tiên của nhà trường; các thầy giáo – nhà thơ Hà Thúc Chi, Trúc Chi, rồi thầy giáo – Anh hùng Lao động Nguyễn Hồng Thúy, thầy giáo – nhạc sĩ Hà Giang..., thầy Trần Xuân Đình, nguyên Hiệu trưởng, giám đốc Sở Giáo dục – Đào tạo, thầy Trần Hùng nguyên Hiệu trưởng, nguyên Chủ tịch UBND huyện An Lão.

Thế hệ thứ 2, rất nhiều thầy cô có hơn 30 năm công tác tại trường là những tấm gương tiêu biểu sự tận tụy, hết lòng vì học sinh thân yêu, như các thầy, cô Nguyễn Tiến Dũng, Lê Xuân Long, Phan Nhật Khải, Nguyễn Thị Bích Lan, Phú Thị Lan, Phạm Thị Hạnh...

Thế hệ thứ 3, rất nhiều thầy cô có hơn 20 năm công tác tại trường luôn hết lòng vì thầy cô và mái trường, Tiêu biểu là các thầy cô: Nguyễn Duy Bắc, Đặng Thị Ngọc, Nguyễn Ngọc Thịnh, Nguyễn Duy Tuấn, Đỗ Thị Minh Huệ, Nguyễn Thị Hương, Vũ Văn Dũng, Vương Văn Huy, Phạm Thị Hà, Phạm Minh Hòa, Nguyễn Thị Khiển, ...

Thế hệ hiện tại của nhà trường quyết tâm phấn đấu đưa trường THPT An Lão thành ngôi trường là niềm khao khát cống hiến của các thầy cô giáo và là niềm mơ ước của các thế hệ học sinh. Với sự tâm huyết đó phải kể đến các thầy cô giáo cán bộ, giáo viên, nhân viên: Trần Đức Ngọc, Vương Văn Huy, Nguyễn Thị Là, Phạm Thị Hà, Phạm Minh Hòa, Phạm Thị Thanh Hương, Vũ Văn Dũng, Bùi Đình Bắc, Bùi Văn Mười, Nguyễn Nam Sơn,...

Thế hệ nào cũng có những học trò chăm ngoan, học giỏi, giàu sáng tạo. Lớp lớp thế hệ học trò đã trưởng thành và đang từng ngày từng giờ đóng góp tài năng và trí tuệ của mình làm giàu cho bản thân và đất nước. Tiêu biểu như cựu học sinh: Ông Nguyễn Hoàng Anh (khóa 1977 - 1980) – UVTW Đảng – Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Ông Nguyễn Hoàng Giang – nguyên Thứ trưởng Bộ KH-CN hiện là Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi; GS.TS Nguyễn Bách Khoa (khóa 1969 -

1972) - Hiệu trưởng Trường đại học thương mại Hà Nội. GS.TS Lương Xuân Hiến (khoá 1970 - 1973) - Hiệu trưởng Trường Đại học y Thái Bình...

Trong xu thế hội nhập toàn cầu, chặng đường phát triển của nhà trường sẽ còn rất nhiều những thử thách. Song, với truyền thống vốn có, cùng với sự quan tâm sát sao của các cấp lãnh đạo, sự ủng hộ nhiệt tình của các lực lượng xã hội, toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh toàn trường mà đứng đầu là Thầy Trần Đức Ngọc - Bí thư Đảng bộ, Hiệu trưởng nhà trường sẽ quyết tâm phấn đấu giữ vững những thành tích đã đạt được để trường THPT An Lão mãi là một điểm sáng của giáo dục Hải Phòng, là nơi gửi gắm niềm tin của nhân dân An Lão, là niềm tự hào của những ai đã từng sống dưới mái trường này.

Những dấu ấn khó quên

Năm học đầu tiên trường có 5 lớp 8 (tương đương lớp 10 ngày nay) và 1 lớp 9 từ Trường THPT Kiến An chuyển về. Học trò đến từ đủ các địa chỉ - học sinh miền Nam tập kết, học sinh nội thành, học sinh các huyện Tiên Lãng, Kiến Thụy, học sinh của 17 xã, thị trấn trong huyện.

Thườ đó, học sinh chân đi dép lỏp, túi sách quàng vai, tay sách củi gạo, ở trọ để đi học. Lớp học chỉ là các lán tranh tre, nửa lá, có tường hào công sự vây quanh. Khó khăn, gian nan là thế, nhưng từ mái trường này nhiều thế hệ học sinh trưởng thành, nhiều đóng góp cho địa phương, thành phố và đất nước.

Những năm đất nước còn chiến tranh, nhiều nữ sinh tham gia đội du kích Núi Voi, nhiều người trở thành dũng sĩ diệt Mỹ, cán bộ cao cấp QĐND Việt Nam, như Nguyễn Văn Kỳ (khóa 1966-1969) trên đường đi học, tay không bắt sống giặc Mỹ... Từ mái trường này, nhiều người trưởng thành, trở thành những nhà quản lý, lãnh đạo giỏi, giữ nhiều vị trí trọng trách từ địa phương đến trung ương.

Tiêu biểu như ông Nguyễn Văn Thuận, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND thành phố, bà Bùi Thị Sinh, nguyên Phó chủ tịch UBND thành phố; các ông Nguyễn Xuân Sang và ông Trần Hùng nguyên Chủ tịch UBND huyện An Lão; ông Nguyễn Hoàng Anh, Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng; ông Vũ Văn Hiến, thiếu tướng, Quân đội nhân dân Việt Nam...

Nhiều người trở thành nhà khoa học đầu ngành trong các trường đại học lớn hoặc các viện nghiên cứu khoa học như giáo sư, tiến sĩ Nguyễn Bách Khoa, Hiệu trưởng Trường đại học Thương mại Hà Nội; giáo sư, tiến sĩ Lương Xuân Hiến, Hiệu trưởng Trường đại học Y Thái Bình; Phó giáo sư tiến sĩ Nguyễn Bá Hán, Phó hiệu trưởng Trường đại học Y Hà Nội; phó giáo sư tiến sĩ Bùi Văn Vân, Trưởng Ban đào tạo sau đại học Trường Đại học quốc gia Hà Nội...

Sự nhiệt huyết, tài hoa, mẫu mực của các thầy, cô hun đúc nên lòng hiếu học, ý chí quyết tâm của bao lớp học sinh. Ở thể hệ nào, nhà trường cũng có những thầy, cô giáo và học trò tiêu biểu, xuất sắc.

Hiện tại nhà trường đang trên đà phát triển, là mũi nhọn chất lượng của huyện An Lão, điểm sáng giáo dục của Hải Phòng. Số lượng học sinh, lớp học và giáo viên ngày càng tăng. Năm học 2024-2025 nhà trường có 39 lớp, dự kiến sẽ lên 45-50 lớp trong giai đoạn 2026 -2030.

Các thể hệ Hiệu trưởng nhà trường

1. Thầy Đào Thành Khang (đã mất);
2. Thầy Tô Hạo (đã mất 10/2024);
3. Thầy Trần Xuân Đình;
4. Thầy Trần Hùng;
5. Thầy Nguyễn Văn Thạc;
6. Thầy Nguyễn Tiến Dũng;
7. Cô Nguyễn Thị Bích Lan;
8. Thầy Trần Văn Nhường.
9. Thầy Trần Đức Ngọc (Từ 2023 đến hiện tại)

6. Thông tin người đại diện

Ông Trần Đức Ngọc

Chức vụ: Bí thư Đảng bộ, Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 43 Lê Lợi, thị trấn An Lão, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Số điện thoại: 0834.363.888

Thư địa chỉ: Tranducngoc@haiphong.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập: Trường THPT An Lão thành lập năm 1965

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh HĐ
1.	Ông Trần Đức Ngọc	Hiệu trưởng		
2.	Bà Phạm Thị Hà	CTCD		
3.	Ông Đào Viết Tuấn	CT UBND TT An Lão		
4.	Ông Vương Văn Huy	Phó HT		

5.	Ông Phạm Minh Hoà	BT đoàn TN		
6.	Bà Phạm Thị Thanh Hương	TTCM		
7.	Ông Nguyễn Nam Sơn	TT tin học VP		
8.	Bà Lưu Thị Chi	Trưởng ban ĐD CMHS		
9.	Em Đỗ Tuấn Minh	Lớp 11B1		

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm

- Quyết định điều động bổ nhiệm Hiệu trưởng trường THPT An Lão: Quyết định số 887/QĐ-SGDĐT ngày 19/5/2023 của Giám đốc Sở GD-ĐT Hải Phòng;

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường THPT An Lão: Quyết định số 218/QĐ-SGDĐT-TCCB ngày 04/5/2020 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng;

- Quyết định về việc điều động Phó Hiệu trưởng trường THPT An Lão: Quyết định số 880/QĐ-SGDĐT-TCCB ngày 25/8/2021 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục

Trường THPT An Lão được thành lập theo Quyết định của UBND Thành phố Hải Phòng thuộc địa bàn thị trấn An Lão, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Địa điểm trường có vị trí thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để

xây dựng trường trở thành một trường THPT trọng điểm của địa bàn thành phố Hải Phòng.

Trường THPT An Lão là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở GD&ĐT TP. Hải Phòng.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVCh), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD); bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- + 01 Hội đồng trường với 15 thành viên.

- + 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 Đảng bộ, 5 chi bộ gồm 55 đảng viên.

- + Tổ chức Công đoàn có 80 công đoàn viên.

- + Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có hơn 1600 đoàn viên với 38 chi đoàn thuộc.

- + Ban đại diện CMHS.

- + Các tổ chuyên môn: 6 tổ

đ. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách: Không

e. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường.

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Kết quả bồi dưỡng hàng năm		Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Số lượng	Tỷ lệ	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số CBQL, GV và NV	81	0	27	75	0	3	3	76	93.82%	60	16	0	0
II	GV THPT hạng 2	26	0	14	12	0	0	0	26	100%	26	100%	0	0
1	Toán	5		4	1	0	0	0	5	100%	5	100%	0	0
2	Vật lý	4		2	2	0	0	0	4	100%	4	100%	0	0
3	Hóa học	2		2	0	0	0	0	2	100%	2	100%	0	0
4	Sinh học	4		3	1	0	0	0	4	100%	4	100%	0	0
5	Tin học	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Ngữ văn	1		0	1	0	0	0	1	100%	1	100%	0	0
7	Lịch sử	2		1	1	0	0	0	2	100%	2	100%	0	0
8	Địa lý	1		0	1	0	0	0	1	100%	1	100%	0	0
9	GDKT&PL	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	NN	2		2	0	0	0	0	2	100%	2	100%	0	0
11	CN	2		0	2	0	0	0	2	100%	2	100%	0	0
12	GDTC	3		0	3	0	0	0	2	100%	2	100%	0	0
13	GDQP&AN	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III	GV THPT hạng 3	44	0	16	28	0	0	0	44	100%	44	100%	0	0
1	Toán	8		5	3	0	0	0	8	100%	8	100%	0	0
2	Vật lý	2		0	2	0	0	0	2	100%	2	100%	0	0
3	Hóa học	4		2	2	0	0	0	4	100%	4	100%	0	0
4	Sinh học	2	0	0	2	0	0	0	2	100%	2	100%	0	0
5	Tin học	4	0	2	2	0	0	0	4	100%	4	100%	0	0
6	Ngữ văn	8	0	1	7	0	0	0	8	100%	8	100%	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Kết quả bồi dưỡng hàng năm		Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Số lượng	Tỷ lệ	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số CBQL, GV và NV	81	0	27	75	0	3	3	76	93.82%	60	16	0	0

D. Danh mục vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ

1	Y tế học đường	1	0	0	0	1	0	0	1	100%	1	0	0	0
2	Nhân viên bảo vệ	3	0	0	0	0	1	2	3	100%	0	0	0	0
3	Nhân viên nấu ăn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên phục vụ	2	0	0	0	0	2	0	2	100%	0	0	0	0

100% giáo viên, nhân viên đạt chuẩn. Trong đó, 28 giáo viên có trình độ trên chuẩn.

Các giáo viên, nhân viên 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân/đôi sánh với yêu cầu tối thiểu
I	Số phòng học	41	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	35	Đạt yêu cầu
2	Phòng học bán kiên cố	6	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	0	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	

7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	Đạt yêu cầu
8	Bình quân học sinh/lớp	44.97	Đạt yêu cầu
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	16.000	9,6 m ² /1 học sinh
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5500	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1242	Đạt yêu cầu
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	518	Đạt yêu cầu
3	Diện tích thư viện (m ²)	120	Đạt yêu cầu
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	Đang chuẩn bị xây	
5	<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m²)</i>	18/48	Đạt yêu cầu
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	3	
1.1	Khối lớp 10	1	Đạt yêu cầu
1.2	Khối lớp 11	1	Đạt yêu cầu
1.3	Khối lớp 12	1	Đạt yêu cầu
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10	1	
2.2	Khối lớp 11	1	
2.3	Khối lớp 12	1	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1	
4	Xưởng trường	0	

VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	60	Số học sinh/bộ 27.7
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	41	
2	Cát xét	8	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Màn Led	01	
6	Thiết bị khác		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	41	
2	Cát xét	8	Đạt yêu cầu
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Màn Led	1	Đạt yêu cầu
..	Thiết bị khác...		

X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*			x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	x				

	Nội dung	Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Điện lưới	

XIII	Kết nối internet	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XV	Tường rào xây	x	

XVI. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được nhà trường lựa chọn, sử dụng theo quy định của pháp luật

1. Danh mục sách giáo khoa lớp 10 sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

Tên sách	Tên Bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
Toán 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	NXB Giáo dục Việt Nam
Ngữ văn 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng	NXB Giáo dục Việt Nam
Tiếng Anh 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Văn Vân	NXB Giáo dục VN
GDTC 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trịnh Hữu Lộc	NXB Giáo dục Việt Nam
GDQP-AN 10	Kết nối tri thức với cuộc sống		NXB Giáo dục Việt Nam
Vật lý 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng	NXB Giáo dục Việt Nam
Hóa học 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Kim Long	NXB Giáo dục Việt Nam
Sinh học 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Văn Lập	NXB Giáo dục Việt Nam
Lịch sử 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang	NXB Giáo dục Việt Nam
Địa Lý 10	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Kim Hồng	NXB Giáo dục Việt Nam
GDKT&PL	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Minh Đoan	NXB Giáo

10			dục Việt Nam
Tin học 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Thế Long	NXB Giáo dục Việt Nam
Công nghệ CN cơ khí 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	NXB Giáo dục Việt Nam
Công nghệ chăn nuôi 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	NXB Giáo dục Việt Nam
HD TN&HN 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy	NXB Giáo dục Việt Nam
Âm nhạc 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Phương Hoa	NXB Giáo dục Việt Nam
Mĩ thuật 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đình Gia Lê	NXB Giáo dục Việt Nam

2. Danh mục sách giáo khoa lớp 11 sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

Tên sách	Tên Bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
Toán 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	NXB Giáo dục Việt Nam
Ngữ văn 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng	NXB Giáo dục Việt Nam
Tiếng Anh 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Văn Vân	NXB Giáo dục VN
GDTC 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trịnh Hữu Lộc	NXB Giáo dục Việt Nam
GDQP-AN 11	Kết nối tri thức với cuộc sống		NXB Giáo dục Việt Nam
Vật lý 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng	NXB Giáo dục Việt Nam
Hóa học 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Kim Long	NXB Giáo

	sống		dục Việt Nam
Sinh học 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Văn Lập	NXB Giáo dục Việt Nam
Lịch sử 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang	NXB Giáo dục Việt Nam
Địa Lý 11	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Kim Hồng	NXB Giáo dục Việt Nam
GDKT&PL 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Minh Đoan	NXB Giáo dục Việt Nam
Tin học 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Thế Long	NXB Giáo dục Việt Nam
Công nghệ CN cơ khí 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	NXB Giáo dục Việt Nam
Công nghệ chăn nuôi 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	NXB Giáo dục Việt Nam
HD TN&HN 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy	NXB Giáo dục Việt Nam
Âm nhạc 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Phương Hoa	NXB Giáo dục Việt Nam
Mĩ thuật 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đình Gia Lê	NXB Giáo dục Việt Nam

3. Danh mục sách giáo khoa lớp 11 sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Nhà xuất bản
1	TOÁN 12	Kết nối tri thức với cuộc sống (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Hà Huy Khoái	NXB Giáo dục Việt Nam
2	NGŨ VĂN 12	Kết nối tri thức với cuộc sống (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Bùi Mạnh Hùng	NXB Giáo dục Việt Nam
3	TIẾNG ANH 12	Global Success	Hoàng Văn Vân	NXB Giáo dục VN

4	GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 12	Kết nối tri thức với cuộc sống (GDKT&PL 12, Chuyên đề học tập)	Nguyễn Minh Doan	NXB Giáo dục Việt Nam
5	LỊCH SỬ 12	Kết nối tri thức với cuộc sống (Lịch sử 12, Chuyên đề học tập)	Vũ Minh Giang	NXB Giáo dục Việt Nam
6	ĐỊA LÍ 12	Cánh diều	Lê Thông	NXB Giáo dục Việt Nam
7	VẬT LÍ 12	Kết nối tri thức với cuộc sống (Vật lí 12, Chuyên đề học tập)	Vũ Văn Hùng	NXB Giáo dục Việt Nam
8	HÓA HỌC 12	Kết nối tri thức với cuộc sống (Hóa học 12, Chuyên đề học tập Hóa học 12)	Lê Kim Long	NXB Giáo dục Việt Nam
9	SINH HỌC 12	Kết nối tri thức với cuộc sống (Sinh học 12, Chuyên đề học tập Sinh học 12)	Phạm Văn Lập	NXB Giáo dục Việt Nam
10	TIN HỌC 12	Định hướng Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long	NXB Giáo dục Việt Nam
		Định hướng Khoa học máy tính (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long	NXB Giáo dục Việt Nam
11	CÔNG NGHỆ 12	Công nghệ cơ khí + Chuyên đề học tập Công nghệ cơ khí (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng	NXB Giáo dục Việt Nam
		Công nghệ chăn nuôi + Chuyên đề học tập CN chăn nuôi (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng	NXB Giáo dục Việt Nam
12	GIÁO DỤC THỂ CHẤT 12	GDTC 12 (Cánh Diều)	Đình Quang Ngọc	NXB ĐHSP
13	HĐTNHN 12	Kết nối sống tri thức với cuộc	Lưu Thu Thủy	NXB Giáo dục Việt Nam
14	GDQPAN 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nghiêm Viết Hải	NXB Giáo dục

				Việt Nam
--	--	--	--	----------

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá: Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục

+ Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo đã có Quyết định công nhận đạt kiểm định mức độ 3.

+ Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

1. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

1.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường					
Tiêu chí 1.1			X		
Tiêu chí 1.2			X		
Tiêu chí 1.3			X		
Tiêu chí 1.4			X		
Tiêu chí 1.5			X		
Tiêu chí 1.6			X		
Tiêu chí 1.7			X		
Tiêu chí 1.8			X		
Tiêu chí 1.9			X		
Tiêu chí 1.10			X		
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh					
Tiêu chí 2.1			X		

Tiêu chí 2.2			x		
Tiêu chí 2.3			x		
Tiêu chí 2.4			x		
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học					
Tiêu chí 3.1	x				
Tiêu chí 3.2	x				
Tiêu chí 3.3	x				Nhà xe, nhà kho xuống cấp. Thiếu trang thiết bị khối hành chính – quản trị.
Tiêu chí 3.4	x				Khu vệ sinh đã xuống cấp
Tiêu chí 3.5	x				Hệ thống máy tính còn thiếu và xuống cấp Còn thiếu thiết bị dạy học bộ môn
Tiêu chí 3.6	x				Thư viện chưa đạt chuẩn
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội					
Tiêu chí 4.1			x		
Tiêu chí 4.2			x		
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1			x		
Tiêu chí 5.2			x		
Tiêu chí 5.3			x		
Tiêu chí 5.4			x		
Tiêu chí 5.5			x		
Tiêu chí 5.6			x		

1.1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Nội dung đã đạt
	Không đạt	Đạt	
Tiêu chí 1	x		
Tiêu chí 2	x		
Tiêu chí 3	x		
Tiêu chí 4	x		

Tiêu chí 5	x		
Tiêu chí 6		x	Có kết quả giáo dục vượt trội.

Kết luận: Phần đầu đạt kiểm định chất lượng giáo dục: 02.

1.2. *Đánh giá theo Chuẩn quốc gia:* Phần đầu đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 02.

2. Kế hoạch cải tiến.

Thực hiện phát triển chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến 2030, các kế hoạch chiến lược hàng năm, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn. Đảm bảo tốt việc quản lý hành chính, học chính và tài chính;

Tích cực đổi mới công tác dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục nâng cao năng lực cá nhân từng học sinh. Đổi mới công tác bồi dưỡng giáo viên, chú trọng việc tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên và bồi dưỡng nâng cao năng lực và dạy và học Tiếng Anh;

Tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành đầu tư thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đáp ứng yêu cầu trường chuẩn Quốc gia (cấp độ 2) và để đảm bảo đáp ứng dạy và học cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục khác; xây dựng thêm phòng học bộ môn đáp ứng nhu cầu và các điều kiện cho dạy và học, từng bước đầu tư trang thiết bị dạy học để đáp ứng yêu cầu đổi mới;

Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Thực hiện hiệu quả đổi mới chương trình giáo dục phổ thông (Lớp 10,11), chuẩn bị tốt các điều kiện cho triển khai của lớp 12.

Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, đề nghị Sở GD&ĐT kiểm tra, vấn.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Thông tin về Kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a. Kế hoạch tuyển sinh

SỞ GD&ĐT HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT AN LÃO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KH-THPT AL

An Lão, ngày tháng 4 năm 2024

KẾ HOẠCH TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2024-2025

Căn cứ Thông tư ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông ban hành kèm theo văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT);

Căn cứ công văn số 958/SGDĐT-KTKĐ ngày 04/4/2024 của Sở GD&ĐT Hải Phòng V/v triển khai công tác tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2024-2025;

Trường THPT An Lão xây dựng kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2024-

2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn, lựa chọn được những học sinh đủ điều kiện tiêu chuẩn vào học tại trường, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện nhằm thực hiện tốt mục tiêu, chiến lược phát triển nhà trường.

- Thông tin, tuyên truyền cho học sinh và cha mẹ học sinh nắm rõ về những quy định liên quan tới kỳ thi vào lớp 10 năm học 2024 - 2025 để đăng ký dự thi đúng thời gian quy định.

- Đảm bảo tuyển sinh đủ số lượng học sinh theo chỉ tiêu được Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng giao.

2. Yêu cầu

Công tác tuyển sinh bảo đảm đúng quy chế, quy định, chính xác, công bằng và khách quan theo quy định hiện hành.

II. CHỈ TIÊU, PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

1. Chỉ tiêu

Nhà trường xin được tuyển 13 lớp với 585 học sinh.

2. Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển

Gồm 03 bài thi:

- Bài thi 1: Môn Ngữ văn;

- Bài thi 2: Môn Toán;

- Bài thi 3: Môn Ngoại ngữ (*Thí sinh được đăng ký một trong các môn ngoại ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn*).

3. Điểm xét trúng tuyển

- Điểm xét tuyển (*ĐXT*) được tính theo công thức:

ĐXT = (Điểm bài thi 1 + Điểm bài thi 2) x 2 + Điểm bài thi 3 + Điểm ưu tiên (nếu có).

- Các bài thi chấm theo thang điểm 10.

4. Điều kiện xét tuyển

Chỉ xét tuyển đối với các thí sinh tham gia thi tuyển đủ 03 bài thi (*Ngữ Văn, Toán, Ngoại ngữ*), không vi phạm Quy chế thi đến mức hủy bài thi, điểm thi của mỗi bài thi trong 03 bài thi đều đạt điểm lớn hơn 1,0 điểm.

(Kết quả trúng tuyển do Sở GD&ĐT công bố).

III. THỜI GIAN, HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI

1. Thời gian:

Thời gian đăng ký dự tuyển:

- Từ 22/4/2024 đến hết ngày 07/5/2024 nộp đăng ký dự tuyển.

- Từ 08/5/2024 đến hết ngày 14/5/2024 học sinh được thay đổi nguyện vọng đăng ký dự tuyển và nguyện vọng đăng ký xét tuyển.

2. Nơi đăng ký dự tuyển

a) Học sinh đang học lớp 9 năm học 2023 - 2024 tại thành phố Hải Phòng đăng ký dự tuyển tại trường THCS nơi học sinh đang học lớp 9.

b) Học sinh đã được công nhận tốt nghiệp THCS trước năm 2024 và học sinh đang học lớp 9 ở tỉnh/thành phố ngoài (*sau đây gọi chung là thí sinh tự do*) đăng ký dự tuyển tại Phòng GD&ĐT quận/huyện bất kỳ trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- c) Thí sinh nhận hồ sơ dự tuyển tại địa điểm đăng ký dự tuyển.
3. Hồ sơ đăng ký dự tuyển
- a) Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ (*có chứng thực*).
- b) Bằng tốt nghiệp THCS (*đối với học sinh tốt nghiệp trước năm 2024*) hoặc bản chính giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời (*đối với học sinh tốt nghiệp năm 2024*). Trường THCS bổ sung hồ sơ cho thí sinh sau khi xét công nhận tốt nghiệp.
- c) Học bạ hoặc Kế hoạch giáo dục cá nhân (*đối với học sinh khuyết tật*) cấp THCS (*bản chính*).
- d) Giấy xác nhận mức độ khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp (*bản chứng thực*). Đơn vị tiếp nhận hồ sơ đối chiếu bản chính khi nhận hồ sơ.
- e) Giấy xác nhận do Ủy ban nhân dân/Công an xã, phường, thị trấn cấp (*đối với người học đã tốt nghiệp THCS trước năm 2024*) không trong thời gian thi hành án phạt tù; cải tạo không giam giữ hoặc không vi phạm pháp luật.
- f) Phiếu đăng ký dự tuyển sinh (*theo mẫu của Sở GDĐT*).
- g) Ảnh chân dung 3x4 (03 ảnh nếu chỉ đăng ký thi đại trà; 04 ảnh nếu đăng ký thi chuyên; ảnh chụp trước ngày đăng ký dự thi không quá 06 tháng).

4. Nguyên vọng dự tuyển

a) Học sinh đăng ký dự thi vào trường THPT chuyên Trần Phú và trường THPT công lập: Mỗi học sinh được đăng ký dự thi không quá 02 môn chuyên (*không trùng lịch thi*) và được đăng ký không quá 02 nguyên vọng xét tuyển vào trường THPT công lập, không quá 05 nguyên vọng xét tuyển vào các lớp chuyên của trường THPT chuyên Trần Phú (*phù hợp với môn chuyên dự thi*).

b) Học sinh không đăng ký dự tuyển vào trường THPT chuyên Trần Phú: Mỗi học sinh được đăng ký không quá 02 nguyên vọng xét tuyển vào trường THPT công lập.

c) Học sinh phải sắp xếp nguyên vọng đăng ký xét tuyển theo thứ tự từ cao xuống thấp, trong đó nguyên vọng 1 là nguyên vọng cao nhất (*sắp xếp chung nguyên vọng vào trường THPT công lập và nguyên vọng vào các lớp của trường THPT chuyên Trần Phú*).

d) Học sinh chỉ có nguyên vọng đăng ký dự tuyển vào trường THPT chuyên Trần Phú nhưng không có nguyên vọng dự tuyển vào trường THPT công lập vẫn 13 phải đăng ký dự tuyển vào trường THPT công lập bất kỳ để tham gia dự thi các môn Ngữ văn, Toán (*bài thi 1, bài thi 2*), thí sinh không phải dự thi bài thi Ngoại ngữ (*bài thi 3*).

5. Thay đổi nguyên vọng dự tuyển

Học sinh được thay đổi nguyên vọng đăng ký dự tuyển trong suốt thời gian đăng ký dự tuyển và thời gian cho phép thay đổi nguyên vọng.

IV. LỊCH THI

Thi vào các ngày 03, 04, 05 tháng 6 năm 2024 theo Lịch thi của Sở GD&ĐT Hải Phòng

Ngày	Buổi	Bài thi	Thời gian làm bài	Giờ phát đề cho thí sinh	Giờ bắt đầu làm bài
03/6	Sáng	7h30': Họp lãnh đạo Hội đồng coi thi 8h30': Họp toàn thể Hội đồng coi thi.			

04/6	Sáng	Ngữ văn	120 phút	8 giờ 00'	8 giờ 05'
	Chiều	Ngoại ngữ	60 phút	14 giờ 00'	14 giờ 05'
05/6	Sáng	Toán	120 phút	8 giờ 00'	8 giờ 05'

V. CÔNG BỐ ĐIỂM CHUẨN, TIẾP NHẬN HỒ SƠ NHẬP HỌC

1. Công bố điểm chuẩn xét tuyển vào lớp 10 trường THPT công lập chậm nhất 05/7/2024, tại các trường THCS, THPT.

2. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh trúng tuyển lần 1 tại trường THPT An Lão: từ 06/7 đến 10/7/2024

3. Thời gian nhập học, thủ tục nhận hồ sơ sẽ được công bố công khai tại nhà trường THPT An Lão.

4. Học sinh có tên trong danh sách trúng tuyển phải nộp đầy đủ hồ sơ tại trường theo đúng thời gian quy định; Hết thời gian theo quy định học sinh không đến làm thủ tục nhập học sẽ bị gạch tên khỏi danh sách trúng tuyển của trường.

5. Sau khi kiểm tra hồ sơ, nếu học sinh không đáp ứng đủ các điều kiện sẽ bị gạch tên khỏi danh sách trúng tuyển của trường.

6. Học sinh trúng tuyển đã nộp hồ sơ vào trường khi có nhu cầu được quyền rút hồ sơ, nhà trường có trách nhiệm tạo điều kiện để học sinh rút hồ sơ.

VI. KẾ HOẠCH THEO THỜI GIAN

TT	Nội dung công tác	Người phụ trách	Người thực hiện	Thời gian thực hiện
1.	Xây dựng kế hoạch Tuyển sinh vào 10 năm học 2024-2025	Hiệu trưởng		15/4- 20/4
2.	Ban hành quyết định thành lập Hội đồng Tuyển sinh vào 10 và họp Hội đồng Tuyển sinh triển khai kế hoạch, phân công nhiệm vụ	Hiệu trưởng	Hội đồng tuyển sinh	21/4-24/4
3.	Gửi kế hoạch và thông báo Tuyển sinh tới các trường THCS và thông tin kế hoạch tuyển sinh trên Đài phát thanh huyện An Lão	BGH	Hội đồng tuyển sinh	21/4-25/4
4.	Gửi danh sách cán bộ, giáo viên tham gia làm thi về Sở GDĐT	BGH	Văn thư	Chậm nhất 27/4
5.	- Hội đồng Coi thi nhận danh sách phòng thi tại Sở GDĐT; - Niêm yết danh sách số báo danh, phòng thi; - Hoàn thiện công tác chuẩn bị CSVC, VPP và các mẫu biên bản phục vụ kỳ thi.	BGH	Nhóm văn phòng	24/5
6.	- Tham gia Hội nghị tập huấn nghiệp vụ công tác coi thi; - Nhận danh sách CB, GV tham gia coi thi;		HT, CTHĐ coi thi	28/5
7.	Thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập năm học 2024 - 2025 theo lịch thi	HDCT	Hội đồng Coi thi	03-05/6
8.	Công bố điểm chuẩn xét tuyển vào lớp 10 trường THPT công lập	BGH	Văn thư	Chậm nhất 05/7

9.	Tổ chức tiếp nhận hồ sơ thí sinh trúng tuyển lần 1	BGH	Cán bộ tuyển sinh	Từ 06-10/7
10.	Tổ chức tiếp nhận hồ sơ thí sinh trúng tuyển lần 2 (nếu có)	BGH	Cán bộ tuyển sinh	Từ 11-13/7
11.	Tổ chức cho học sinh đăng ký nguyện vọng tổ hợp môn lựa chọn; bố trí lớp học	BGH	Cán bộ tuyển sinh	20/7-31/7
12.	Tập trung học sinh trúng tuyển vào 10 tại năm học 2024 - 2025 tại trường	BGH	CB, GV, NV	Dự kiến 01/8
13.	Kết thúc xét tuyển sinh	BGH	Cán bộ tuyển sinh	15/8
14.	Duyệt kết quả tuyển sinh các trường THPT công lập (có lịch riêng)	NGH	Cán bộ tuyển sinh	Từ 16-23/8

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Hiệu trưởng nhà trường tổ chức thực hiện, quản lý chỉ đạo các nội dung:

1. Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2024 - 2025 (Có quyết định riêng). Phân công nhiệm vụ cho Hội đồng tuyển sinh.
2. Ra thông báo tuyển sinh, xây dựng kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2024 - 2025.
3. Công bố công khai diện thí sinh được tuyển thẳng, cộng điểm ưu tiên.
4. Chuẩn bị cơ sở vật chất cho Hội đồng coi thi đảm bảo đúng quy định. Đề xuất số lượng Hội đồng coi thi của trường, số phòng thi của mỗi Hội đồng thi (mỗi phòng thi không quá 24 thí sinh) báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng.
5. Tổ chức học tập Quy chế tuyển sinh vào lớp 10 cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.
6. Điều động cán bộ, giáo viên tham gia làm thi theo yêu cầu của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng.
7. Tham mưu với UBND huyện ra Quyết định thành lập bộ phận Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ kỳ thi.
8. Tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển đến nhập học, báo cáo tình hình tuyển sinh của trường, đề xuất phương án hạ điểm chuẩn (nếu có) trình sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Hải Phòng;
- HĐTS nhà trường;
- BGH các trường THCS;
- Đăng website và bảng tin;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

b. Kế hoạch giáo dục

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT AN LÃO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /KH- THPT AL

An Lão, ngày tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
Năm học 2023- 2024

1. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Công văn số 3280/BGDĐT- GDTrH ngày 27/8/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học THCS,THPT; Căn cứ Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 31/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện KHGD nhà trường; Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh THCS và THPT;

Căn cứ Quyết định số 2400/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND thành phố ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024; Công văn số 2156/SGDĐT-GDTrH ngày 15/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng V/v triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023-2024; Công văn số 2229/SGDĐT- GDTrH ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Lịch chỉ đạo thực hiện chương trình Giáo dục trung học năm học 2023-2024; Công văn số 2228/SGDĐT-KTKĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức các kỳ thi cho học sinh năm học 2023-2024; Công văn số 2272/SGDĐT-TrH ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức cuộc thi KHKT cấp thành phố học sinh trung học năm học 2023-2024; Công văn số 2269/SGDĐT-TrH ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương năm học 2023-2024; Công văn số 2294/SGDĐT-TrH ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai Kỳ thi Toán và KHTN bằng tiếng Anh năm học 2023-2024; Công văn số 101//KH-SGDĐT ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Kế hoạch tổ chức Kỳ thi giải toán trên máy tính cầm tay Casio FX-8800BTG cấp thành phố năm học 2023-2024

Căn cứ tình hình thực tiễn của nhà trường về đội ngũ và điều kiện tổ chức dạy-học và các hoạt động giáo dục của trường THPT An Lão.

2. BỐI CẢNH GIÁO DỤC CỦA QUỐC GIA, ĐỊA PHƯƠNG VÀ NHÀ TRƯỜNG

2.1. Bối cảnh bên ngoài**2.1.1. Thời cơ**

- Được sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền đoàn thể địa phương. Sự phối kết hợp chặt chẽ, nhiệt tình, trách nhiệm cao của Ban đại diện CMHS nhà trường trong công tác vận động hỗ trợ công tác giáo dục của nhà trường.

- Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông làm thay đổi suy nghĩ của phần lớn cha mẹ học sinh, nhận thức về việc học tập của nhân dân ngày càng được nâng lên, tạo điều kiện thuận lợi để nhà trường duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Đặc biệt, nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, động viên kịp thời của các nhà giáo nguyên lãnh đạo nhà trường, các thế hệ nhà giáo, các cựu học sinh nhà trường và Hội đồng hương Núi Voi An Lão tại Hà Nội.

2.1.2. Thách thức

- Nhu cầu xã hội đòi hỏi chất lượng giáo dục ngày càng cao trong thời kỳ hội nhập.

- Học sinh của trường rải rác ở nhiều xã thuộc huyện An Lão, Tiên Lãng và quận Kiến An nên việc đi lại của học sinh gặp nhiều khó khăn.

- Điều kiện kinh tế của một bộ phận không nhỏ nhân dân còn khó khăn, học sinh trong độ tuổi đi học còn nhiều em phải lao động giúp gia đình hoặc là lao động chính trong gia đình nên ít có thời gian học tập.

- Đời sống của một bộ phận nhân dân còn rất khó khăn, chưa quan tâm nhiều đến việc học hành của con em.

- Tâm lý lo lắng của phụ huynh học sinh khi triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Ngân sách nhà nước cấp chỉ đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho hoạt động chuyên môn; công tác xã hội hóa chưa đáp ứng nhu cầu đầu tư xây dựng. Diện tích sân chơi, bãi tập của nhà trường còn hạn chế chưa đáp ứng được quy mô về số lượng học sinh và số lớp ngày một tăng nên ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động vui chơi và công tác giáo dục thể chất và sinh hoạt ngoại khóa cho học sinh.

2.2. Bối cảnh bên trong

2.2.1. Điểm mạnh của nhà trường

- Nền nếp nhà trường đã được củng cố và duy trì; cán bộ, giáo viên và nhân viên làm việc nghiêm túc, hiệu quả; học sinh cơ bản chấp hành tốt kỷ cương nền nếp và nội qui nhà trường, có ý thức vươn lên trong học tập.

- Về trình độ chuyên môn: 100% GV đạt chuẩn. Đội ngũ cán bộ giáo viên nhiệt tình trong công tác; có tinh thần tự giác học tập nâng cao về trình độ chuyên môn.

- Phòng học, bảng, bàn ghế cho giáo viên, học sinh: Số lượng, quy cách, chất lượng và thiết bị của phòng học, bảng trong lớp học đảm bảo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định về vệ sinh trường học của Bộ Y tế;

- Có công trình vệ sinh riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, riêng cho nam và nữ, vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, sạch sẽ;

- Có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, hệ thống cung cấp nước uống đạt tiêu chuẩn

- Chất lượng đầu vào của học sinh tương đối cao, nằm trong Top 15 toàn thành phố là một lợi thế rất lớn để thúc đẩy chất lượng.

2.2.2. Điểm yếu

- Cơ cấu giáo viên thừa thiếu cục bộ giữa các bộ môn nên trong công tác phân công và tổ chức các hoạt động giáo dục còn gặp những khó khăn nhất định.

- Đội ngũ giáo viên được đào tạo, giảng dạy theo hướng trang bị kiến thức cho học sinh nay chuyển sang dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh; nhiều giáo viên kiêm nhiệm công việc khác và dạy kết hợp môn/hoạt động giáo dục khác nên một số giáo viên gặp khó khăn đổi mới phương pháp dạy học.

- Việc sinh hoạt chuyên môn các tổ chưa đi vào chiều sâu, còn thụ động.

- Năng lực chuyên môn của giáo viên chưa đồng đều; việc tự học, tự bồi dưỡng của một số giáo viên chưa hiệu quả, chưa sáng tạo trong công việc, đổi mới phương pháp dạy học chưa rõ nét. Một số giáo viên chưa chú trọng đến giáo dục rèn luyện đạo đức, phát triển kỹ năng sống cho học sinh.

- Một số ít học sinh chưa chăm ngoan, nhận thức về việc học và trách nhiệm còn hạn chế, mục tiêu, lý tưởng mờ nhạt.

- Do ở xa trung tâm thành phố và địa bàn ít trường THPT nên điều kiện để được tiếp cận, mở rộng, nâng cao về kiến thức của cả thầy và trò gặp nhiều khó khăn và hạn chế; sức cạnh tranh trong thúc đẩy chuyên môn của giáo viên và học tập của học sinh còn khiêm tốn.

- Trường chưa có nhà đa năng, khu để xe của học sinh còn thiếu, sân chơi, bãi tập xuống cấp nhưng chưa có kinh phí tu bổ, nâng cấp nên gặp nhiều khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục.

2.3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

2.3.1. Quy mô số lớp, số học sinh toàn trường năm học 2023-2024

STT	Khối	Số lớp	Số học sinh
1	10	13	585
2	11	13	587
3	12	11	494
Tổng toàn trường		37 lớp	1666 học sinh

2.3.2. Bố trí phòng học, phòng bộ môn và các phòng chức năng

STT	Loại phòng	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng học	37	
2	Phòng thực hành	04	
3	Phòng y tế	01	
4	Phòng tư vấn học đường	01	
5	Phòng Đoàn	01	
6	Phòng tiếp dân	01	
7	Phòng trực	01	
8	Hội trường	01	
9	Thư viện	01	
10	Phòng bộ môn	06	

2.3.3. Định hướng thực hiện chương trình dạy học

- Thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá; tăng cường chỉ đạo, quản lý hoạt động dạy học, giáo dục.

- Tạo dựng được môi trường giáo dục lành mạnh, kỷ cương, chăm sóc để phát huy năng lực, phẩm chất riêng.

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình phù hợp vùng nông thôn mới tiếp cận kịp thời giáo dục hiện đại phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

- Với nhiệm vụ giáo dục STEM, áp dụng linh hoạt các hình thức tổ chức, đảm bảo phù hợp với điều kiện dạy học của nhà trường và đáp ứng hiệu quả, chất lượng giáo dục.

2.3.4. Định hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, HĐNGLL

- Hình thức tổ chức HĐTNHN: Khối 10: Kỳ I dạy 3 tiết/tuần; Kỳ II: dạy học 2 tiết/tuần do GVCN và giáo viên có năng lực tổ chức các HĐTNHN thực hiện; Hoạt động theo chủ đề 1 tiết/tuần vào chiều thứ 5 hàng tuần; Khối 11: Kỳ I dạy học 2 tiết/tuần do GVCN và giáo viên có năng lực tổ chức các HĐTNHN thực hiện; Hoạt động theo chủ đề 1 tiết/tuần vào chiều thứ 5 hàng tuần; Kỳ II: Dạy 3 tiết/tuần

- HĐNGLL: Thực hiện theo chủ đề hàng tháng, hoạt động dưới Cờ và sinh hoạt lớp, hoạt động chủ đề toàn khối 1 buổi/tháng.

3. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

3.1. Mục tiêu chung

(1) Ổn định và nâng cao chất lượng giáo dục trong giai đoạn giao thoa giữa chương trình hiện hành và chương trình GDPT 2018.

Triển khai thành công chương trình Giáo dục phổ thông 2018 trên tinh thần đổi mới toàn diện từ tư duy đến hành động, từ quản lý đến đội ngũ giáo viên, nhân viên.

(2) Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của giáo dục trong thời đại mới. Phần đầu nhiều giáo viên của trường đứng trong đội ngũ giáo viên cốt cán của ngành, có giáo viên đạt các danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp thành phố

(3) Chất lượng HS không ngừng được nâng cao cả về văn hoá và rèn luyện; phần đầu có học sinh được chọn vào đội tuyển học sinh giỏi quốc gia; tỉ lệ HS giỏi thành phố tăng lên; điểm bình quân thi tốt nghiệp THPT tăng; không có học sinh vi phạm pháp luật. HS năng động, sáng tạo, trình độ ngoại ngữ của HS được nâng lên;

(4) Cơ sở vật chất nhà trường đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và sinh hoạt của giáo viên và học sinh. An ninh, an toàn cho cán bộ, giáo viên và HS được đảm bảo;

(5) Đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”, xây dựng trường học an toàn, hạnh phúc

(6) Cải tiến công tác thi đua khen thưởng, kiểm định chất lượng giáo dục và công tác thanh - kiểm tra nội bộ.

(7) Phát huy tác dụng mối quan hệ giữa nhà trường và phụ huynh học sinh.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Tập thể

- Hoàn thành công tác kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2

- Trường đạt danh hiệu: Trường lao động tiên tiến

- Nằm trong Top 10 điểm bình quân thi TNTHPT

3.2.2. Cá nhân

a. Giáo viên

- 100% thực hiện tốt quy chế chuyên môn

- Kết quả kiểm tra hoạt động sư phạm:

+ Hồ sơ: Tốt: 90 %; Khá: 10 %

+ Giờ dạy: 100% xếp loại khá và giỏi

- Kết quả thi đua: 02 CSTĐ cấp thành phố và 12 CSTĐ cấp cơ sở

- 04 cá nhân được Bộ GD-ĐT tặng Bằng khen

b. Học sinh

- 100% học sinh chấp hành tốt các nội quy, quy định nhà trường, có ý thức tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, tác phong, trong đó: Xếp hạng kiểm tốt và khá đạt trên 90%; không có học sinh yếu kém

- 100% học sinh tham gia đầy đủ việc học tập, trong đó: Xếp loại học lực Giỏi và khá trên 80%, còn lại xếp loại trung bình.

- Chất lượng mũi nhọn: Có giải thành phố ở tất cả các bộ môn, các lĩnh vực và có ít nhất 7 học sinh đạt giải Nhất.

- Có ít nhất 01 học sinh có điểm xét tuyển đại học nằm trong Top 10 thành phố và được vinh danh trong Đền Trạng trình Nguyễn Bình Khiêm

4. NỘI DUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

4.1. Chương trình chính khóa

a. Phân phối chương trình theo khối lớp

- Đối với khối 12: Thực hiện chương trình 2006, các tiết tự chọn và các môn học được phân bố như sau:

Bảng 1: PHÂN PHỐI TIẾT TỰ CHỌN VÀ CÁC MÔN HỌC LỚP 12 NĂM HỌC 2023-2024

STT	MÔN HỌC	SỐ TIẾT KỲ I	SỐ TIẾT KỲ II	GHI CHÚ
1	Toán	3(+2)	4(+1)	Cộng thêm tự chọn
2	Lý	2	2	
3	Hóa	2	2	
4	Sinh	2	1(+1)	Cộng thêm tự chọn
5	Văn	3(+1)	3(+1)	Cộng thêm tự chọn
6	Sử	2	1	
7	Địa	1	2	
8	Ngoại ngữ	3(+1)	3	Cộng thêm tự chọn
9	GDCD	1	1	
10	Tin	1	2	
11	Thể dục	2	2	
12	Công nghệ(CN)	1	1	
13	GDQP-AN	1	1	
14	SHTT/GDNGLL	2	2	
15	TỰ CHỌN	4	3	
Tổng tiết		30	30	

(Các tiết cộng thêm là tiết tự chọn)

- Đối với khối 10 và 11 thực hiện chương trình GDPT 2018, căn cứ vào đội ngũ, nhà trường đã xây dựng một số tổ hợp để học sinh lựa chọn. Trên cơ sở nguyện vọng đăng ký của học sinh, trường THPT An Lão đã sắp xếp các lớp học với các môn học lựa chọn và chuyên đề lựa chọn như sau:

Bảng 2: CÁC LỚP HỌC VỚI MÔN HỌC LỰA CHỌN VÀ CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỰA CHỌN LỚP 10 VÀ 11 NĂM HỌC 2023-2024

LỚP	MÔN HỌC LỰA CHỌN	CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỰA CHỌN	GHI CHÚ
10C1, 10C2	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Lý, Hóa	
10C3-10C8	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ	Toán, Lý, Hóa	
10C9-10C13	Địa lý, GDKT&PL, Tin học, Công nghệ	Toán, Văn, Địa lý	
11B1-11B4	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ(TT)	Toán, Lý, Hóa	
11B5-11B8	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ(TT)	Toán, Lý, Hóa	
11B9-11B10	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ(TK)	Toán, Lý, Hóa	
11B11-11B13	Địa lý, GDKT&PL, Tin học, Công nghệ(TK)	Toán, Văn, Địa lý	

Căn cứ vào các môn học tự chọn của lớp 12, môn học lựa chọn và chuyên đề học tập lựa chọn, nhà trường dự kiến phân phối số tiết học từng lớp/khối/kỳ như sau:

Bảng 3: PHÂN PHỐI SỐ TIẾT THỰC HIỆN NĂM HỌC 2023-2024
(Phân phối chương trình từng môn học cụ thể được xây dựng trong Chương trình nhà trường)

T T	Môn	Khối 10		Khối 11		Khối 12		Tổng tiết/môn/tuần	
		HK I	HKII	HK I	HKII	HK I	HKII	HK I	HKII
1	Toán	3+1	3+1	3+1	3+1	3+ <u>2</u>	4+ <u>1</u>	<u>159</u>	<u>159</u>
2	Lý	C1-C8: 2+1	C1-C8: 2+1	B1- B10: 2+1 B11- B13: 2	B1- B10: 2+1 B11- B13: 2	2	2	<u>80</u>	<u>80</u>
3	Hóa	C1-C8: 2+1	C1-C8: 2+1	B1- B10: 2+1	B1- B10: 2+1	2	2	<u>76</u>	<u>76</u>
4	Sinh	C1-C8: 2	C1-C8: 2	B1-B4: 2	B1-B4: 2	2	1+ <u>1</u>	<u>46</u>	<u>46</u>

5	Văn	C9-C13: 3+1 C1-C8: 3	C9-C13: 3+1 C1-C8: 3	B1- B10:3 B11- B13 :3+1	B1- B10:3 B11- B13 : 3+1	3+1	3+1	<u>130</u>	<u>130</u>
6	Sử	13	26	26	13	2	1	<u>61</u>	<u>50</u>
7	Địa	C9-C13: 2+1	C9-C13: 2+1	B11- B13: 2+1	B11- B13: 2+1	1	2	<u>37</u>	<u>48</u>
8	Ngoại ngữ	3	3	3	3	3+1	3	<u>122</u>	<u>111</u>
9	GDKT&PL	C9-C13: 2	C9-C13: 2	B11- B13:2	B11- B13:2	1	1	<u>27</u>	<u>27</u>
10	Tin	C1, C2; C9-C13: 2	C1, C2, C9-C13: 2	B5- B10: 2	B5- B10: 2	1	2	<u>37</u>	<u>48</u>
11	Thẻ dực	2	2	2	2	2	2	<u>74</u>	<u>74</u>
12	Công nghệ(CN)	C3-C13: 2	C3-C13: 2	B9- B13: 2	B9- B13: 2	1	1	<u>34</u>	<u>34</u>
	Công nghệ(NN)			B1- B8:2	B1- B8:2	0	0	16	16
13	GDQP-AN	1	1	1	1	11	11	37	
14	HĐTNNH + GDĐP	4	4	4	4	3	3	<u>137</u>	<u>137</u>
15	TỰ CHỌN	13	13	13	13	44	33	<u>122</u>	<u>111</u>

(Những tiết cộng thêm là tiết tự chọn đối với khối 12 và chuyên đề học tập đối với khối 10, 11)

b. Giáo dục địa phương

Căn cứ vào đặc điểm, tình hình đội ngũ, nhà trường xây dựng Kế hoạch giảng dạy hoạt động giáo dục địa phương như sau:

Bảng 4: KẾ HOẠCH TỔ CHỨC DẠY HỌC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG LỚP 10 NĂM HỌC 2023-2024

Tuần	Tiết	Chủ đề/nội dung	Hình thức tổ chức dạy học/ GV	Lớp
1-4	1-4	Chủ đề 8: Phát triển hệ thống cây xanh và bảo vệ đa dạng sinh học trong một số hệ sinh thái ở Hải Phòng	Học rải trên lớp 01 tiết/tuần Đỗ Thị Thanh Hà	10C8- 10C13
		Chủ đề 7: Mô hình sản xuất kinh doanh ở thành phố Hải Phòng	Học rải trên lớp 01 tiết/tuần Nguyễn Duy Tuấn	10C1-10C7
5-8	5-8	Chủ đề 7: Mô hình sản xuất kinh doanh ở thành	Học rải trên lớp 01 tiết/tuần	10C8- 10C13

		phố Hải Phòng	Nguyễn Duy Tuấn	
		Chủ đề 8: Phát triển hệ thống cây xanh và bảo vệ đa dạng sinh học trong một số hệ sinh thái ở Hải Phòng	Học rải trên lớp 01 tiết/tuần Nguyễn Thị Là	10C1-10C7
9	9	Kiểm tra giữa kỳ I	Dự án học tập Nguyễn Thị Là Đỗ Thị Thanh Hà	
10-16	10-16	- Chủ đề 2: Trạng nguyên của vùng đất Hải Phòng thời phong kiến - Chủ đề 4: Hải Phòng qua những trang thơ (Đánh giá TX bài 2)	Học rải 1 tiết/tuần/lớp Đinh Thị Thập Đặng Thị Thuận	10C1-10C6 10C7- 10C13
17	17	Kiểm tra cuối kỳ I	Dự án học tập Đặng Thị Thuận Đinh Thị Thập	
19-20	18-25	- Chủ đề 3: Di tích lịch sử cấp quốc gia tiêu biểu ở Hải Phòng (Đánh giá TX bài 1) - Chủ đề 1: Khái lược kiến trúc thời phong kiến trên vùng đất Hải Phòng (Đánh giá TX bài 1 kỳ II)	Học tập trung Trần Đức Ngọc Bùi Thị Trang Dung Phạm Thị Nguyệt Tú	
21-28	26-33	Chủ đề 5: Đô thị hoá ở thành phố Hải Phòng (Đánh giá TX bài 2 kỳ II) - Chủ đề 6: Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với thành phố Hải Phòng	Học rải 1 tiết/tuần/lớp Phạm Thị Lan Oanh Vũ Thị Lương	10C1-10C7 10C8- 10C13
29	34	Kiểm tra giữa kỳ II	Dự án học tập Phạm Thị Lan Oanh Vũ Thị Lương	
30	35	Kiểm tra cuối kỳ II	Dự án học tập Phạm Thị Lan Oanh Vũ Thị Lương	

**Bảng 5: KẾ HOẠCH TỔ CHỨC DẠY HỌC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐỊA
PHƯƠNG LỚP 11 NĂM HỌC 2023-2024**

Tuần	Tiết	Chủ đề/nội dung	Hình thức tổ chức dạy học/ GV	Lớp
3-7	1-5	Chủ đề 3: Giới thiệu một số truyện ngắn Hải Phòng	Học rải 1 tiết/tuần/lớp Đinh Thị Thập Đặng Thị Thuận	11B1-11B6 11B7-11B13
8-13	6-11	Chủ đề 6: Hải Phòng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế	Học rải 1 tiết/tuần/lớp Phạm Thị Lan Oanh Vũ Thị Lương	11B1-11B6 11B7-11B13
14	12	Kiểm tra giữa kỳ I	Dự án học tập Phạm Thị Lan Oanh Vũ Thị Lương	
16-17	13-18	Thị trường lao động và việc làm tại Hải Phòng	Học tập trung Đỗ Thị Minh Huệ Nguyễn Duy Tuấn Phạm Thị Lan Oanh Vũ Thị Lương	
18	19	Kiểm tra cuối kỳ I	Dự án học tập Đỗ Thị Minh Huệ Nguyễn Duy Tuấn Phạm Thị Lan Oanh Vũ Thị Lương	
20-22	20-27	- Chủ đề 1: Nhân dân vùng đất Hải Phòng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc(trước Cách mạng tháng Tám năm 1945) - Chủ đề 2: Một số nhân vật lịch sử tiêu biểu của Hải Phòng	Học tập trung Trần Đức Ngọc Bùi Thị Trang Dung Phạm Thị Nguyệt Tú	
23	28	Kiểm tra giữa kỳ II	Dự án học tập Trần Đức Ngọc Bùi Thị Trang Dung Phạm Thị Nguyệt Tú	

24	29-34	Chủ đề 5: Vấn đề ATVSTP ở Hải Phòng	Học rải trên lớp 01 tiết/tuần Nguyễn Thị Là Đỗ Thị Thanh Hà	11B1-11B7 11B8-11B13
25	35	Kiểm tra cuối kỳ II	Dự án học tập Nguyễn Thị Là Đỗ Thị Thanh Hà	

c. *Dạy tin học Mos*

d. Chương trình dạy học với giáo viên người nước ngoài: Triển khai với thời lượng 1 tiết/tuần đối với khối 10,11

e. Công tác bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu kém

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém một cách chi tiết và phân công đội ngũ giảng dạy có kinh nghiệm và chuyên môn sâu trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi cũng như phụ đạo học sinh yếu thực hiện xen kẽ vào các chiều thứ 2, 3, 4, 5 hàng tuần, cụ thể phân công như sau:

Bảng 6: PHÂN CÔNG GIÁO VIÊN DẠY BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI

Stt	Họ và tên giáo viên	Môn dạy	Ghi chú
1	Phan Văn Dân	Toán	
2	Bùi Quang Bình	Toán	
3	Phạm Thị Hà	Văn	
4	Trần Thị Kim Anh	Văn	
5	Phạm Thị Thanh Hương	Tiếng Anh	
6	Ngô Thị Kim Liên	Vật lý, Casio lý	
7	Nguyễn Thị Hương	Vật lý	
8	Nguyễn Xuân Minh	Hoá học, KHTN tiếng Anh	
9	Nguyễn Thị Quyên	Hoá học, Casio Hóa	
10	Nguyễn Thị Hồng Vân	Sinh học	
11	Phạm Thị Thanh Mai	KHTN tiếng Anh, Casio Sinh	
12	Hoàng Thị Nga	KHTN tiếng Anh	
13	Nguyễn Thị Hương	Vật lý	
14	Lê Thị Mai	Casio toán, Toán tiếng Anh	
15	Bùi Thị Trang Dung	Lịch sử	
16	Phạm Thị Lan Oanh	Địa lý	
17	Phạm Thị Kim Liên	GDCD	
18	Nguyễn Văn Dũng	Tin học	
19	Phạm Minh Hòa	Tin học	
20	Bùi Đức Thành	Công nghệ	
21	Lê Thị Mai	Toán TA, Toán TA trên internet	
22	Phạm Thị Thanh Hương	IOE	

**Bảng 7: PHÂN CÔNG GIÁO VIÊN DẠY PHỤ ĐẠO HỌC SINH YẾU
ÔN THI TNTHPH**

STT	HỌ VÀ TÊN GIÁO VIÊN	Môn dạy	Nhiệm vụ
1	Phan Văn Dân	Toán	Nhóm trưởng
2	Bùi Quang Bình	Toán	
3	Đoàn Thị Hiệp	Toán	
4	Bùi Đình Bắc	Toán	
5	Nguyễn Thị Thiện	Toán	
6	Nguyễn Văn Duy	Toán	
7	Ngô Thị Kim Liên	Vật lý	Nhóm trưởng
8	Nguyễn Thị Hương	Vật lý	
9	Nguyễn Xuân Minh	Hóa học	Nhóm trưởng
11	Nguyễn Thị Quyên	Hoá học	
12	Nguyễn Duy Hải	Hóa học	
13	Nguyễn Thị Hồng Vân	Sinh học	Nhóm trưởng
14	Phạm Thị Thanh Mai	Sinh học	
15	Đỗ Thị Thanh Hà	Sinh học	
16	Nguyễn Thị Là	Sinh học	
17	Phạm Thị Thanh Hương	Tiếng Anh	Nhóm trưởng
18	Phạm Thị Thu Hà	Tiếng Anh	
19	Phạm Thị Thu Hương	Tiếng Anh	
20	Lê Thị Hương	Tiếng Anh	
21	Nguyễn Thị Tuyên	Tiếng Anh	
22	Phạm Thị Hồng Hà	Lịch sử	Nhóm trưởng
23	Bùi Thị Trang Dung	Lịch sử	
24	Đỗ Thị Minh Huệ	Địa lý	Nhóm trưởng
25	Phạm Thị Lan Oanh	Địa lý	
26	Vũ Thị Lương	Địa lý	
27	Phạm Thị Hà	Ngữ văn	Nhóm trưởng
28	Võ Thị Ánh Tuyết	Ngữ văn	
29	Đỗ Thị Mai Anh	Ngữ văn	
30	Đặng Văn Trọng	Ngữ văn	

Nhóm trưởng chịu trách nhiệm tập hợp danh sách học sinh yếu lớp 12, xây dựng kế hoạch và phân công giáo viên cùng khối soạn bài, luân phiên lên lớp phụ đạo học sinh yếu từ tuần 10(sau khi có kết quả kiểm tra giữa kỳ I).

4.2. Hoạt động TNHH; NC KHKT, STEM; thi GVCN giỏi; Viết thư UPU; ATGT cho nụ cười ngày mai; ngoại khóa, câu lạc bộ.

4.2.1. HĐTNHN

Bảng 8: KẾ HOẠCH TỔ CHỨC DẠY HỌC HĐTNHN LỚP 10

Học kì 1 18 tuần: 56 tiết; HKI 17 tuần: 49 tiết (13 tiết trải nghiệm thực tế)

Tuần	Tiết	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
		Chủ đề 1: Phát huy truyền thống của nhà trường	12	

Tuần	Tiết	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
		Chủ đề 2: Khám phá bản thân	6	
		Chủ đề 3: Rèn luyện bản thân	14	
Tuần 10	32	Kiểm tra giữa kì I	1	
		Chủ đề 4: Chủ động tự tin trong học tập và giao tiếp	9	
		Chủ đề 5: Trách nhiệm với gia đình	7	
		Chủ đề 6: Tham gia xây dựng cộng đồng	8	
	56	Kiểm tra cuối kì I	1	
Tuần 19		Chủ đề 7: Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	5	
		Chủ đề 8: Bảo vệ môi trường tự nhiên	7	
		Chủ đề 9: Tìm hiểu nghề nghiệp	9	
		Chủ đề 10: Tìm hiểu bản thân để chọn nghề phù hợp	7	
		Chủ đề 11: Lập kế hoạch học tập rèn luyện theo định hướng nghề nghiệp	7	
Tuần 35	105	Đánh giá kết quả đi trải nghiệm thực tế Kiểm tra cuối học kỳ II	1	

2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	Tuần 11	- Hoàn thành trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được giao. - Thể hiện được sự tự chủ, lòng tự trọng trong hoạt động học tập ở lớp và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân.	Đánh giá kết quả hoạt động chủ đề 3.

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
		<ul style="list-style-type: none"> -Biết vượt qua được những khó khăn của bản thân. -Sẵn sàng hỗ trợ các bạn khi thực hiện nhiệm vụ. -Sử dụng được tư duy phản biện khi đánh giá sự vật hiện tượng. -Xây dựng và thực hiện được ít nhất 1 bản kế hoạch tài chính hợp lí của cá nhân. 	
Cuối Học kỳ 1	Tuần 18	<ul style="list-style-type: none"> -Nêu được ít nhất 4 biện pháp mở rộng quan hệ và thu hút cộng đồng vào các hoạt động xã hội. -Thiết lập được ít nhất quan hệ mới với 2 người và thu hút ít nhất được 2 người tham gia vào các hoạt động xã hội. -Lập và thực hiện ít nhất 1 kế hoạch tuyên truyền trong cộng đồng có nội dung về văn hóa ứng xử nơi công cộng. -Tham gia hoạt động cộng đồng phù hợp và đánh giá được kết quả hoạt động phát triển cộng đồng của bản thân. 	Đánh giá kết quả hoạt động chủ đề 6.
Giữa Học kỳ 2	Tuần 28	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ ở địa phương. - Nêu được ít nhất 4 thông tin, yêu cầu cơ bản của từng nhóm nghề. - Nêu được ít nhất 4 thông tin của nghề cần tìm hiểu. - Nêu được 3 cách tìm hiểu, thu thập các thông tin cần thiết về nghề. - Phân tích được ít nhất 4 yêu cầu về năng lực, phẩm chất cần có của người lao động theo nhóm nghề. - Trình bày được một số điều 	Đánh giá kết quả hoạt động chủ đề 8.

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
		kiện đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp trong từng lĩnh vực nghề nghiệp.	
Cuối Học kỳ 2	Tuần 35	<ul style="list-style-type: none"> -Trình bày được ít nhất 5 thôn tin cơ bản về hệ thống trường đào tạo nghề em định chọn. -Biết cách xin ý kiến tha vắn của thầy cô, gia đình, bạn bè về dự định lựa chọn nghề và định hướng học tập của bản thân. -Xây dựng được kế hoạch học tập, rèn luyện theo nghề/nhóm nghề lựa chọn. -Thực hiện được kế hoạch học tập, rèn luyện theo nhóm nghề lựa chọn. - Khảo sát, đánh giá thực trạng cảnh quan thiên nhiên ở 1 số địa phương - Khảo sát, đánh giá thực trạng về môi trường và tìm hiểu các biện pháp bảo vệ môi trường, TNTN - Tìm hiểu một số mô hình kinh doanh, sản xuất ở 1 số địa phương - Tìm hiểu sự phát triển của 1 số ngành nghề, tham quan trường đại học. - Lựa chọn nghề cho phù hợp với bản thân. 	Đánh giá kết quả hoạt động chủ đề 9 -11. Đánh giá dựa vào kết quả đi trải nghiệm thực tế

III. Nội dung bài kiểm tra đánh giá định kỳ

STT	Bài đánh giá định kì	Dự án học tập	Tiêu chí đánh giá			
			STT	Nội dung đánh giá	Đạt	Chưa đạt
1	Bài đánh giá giữa kì I	Xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính hiệu quả.	1	Kế hoạch tài chính được xây dựng đủ các mục cần có		

			2	Mục tiêu kế hoạch phù hợp với chủ đề		
			3	Sẵn sàng hỗ trợ các bạn khi thực hiện nhiệm vụ.		
			4	Hoàn thành trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được giao		
			5	Thể hiện được sự tự chủ, lòng tự trọng trong hoạt động học tập ở lớp và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân.		
			6	Thời gian thực hiện phù hợp đạt được mục tiêu/kết quả mong đợi.		
			7	Thực hiện thành công gọi vốn, kinh doanh có lãi trong kế hoạch tài chính.		
			Đạt: Học sinh đạt từ 5 tiêu chí trở lên Chưa đạt: Học sinh đạt được nhiều nhất 4 tiêu chí trở xuống			
2	Bài đánh giá cuối kì I	Hội thi tuyên truyền viên giỏi (học sinh chọn một trong 3 chủ đề) +Văn hóa ứng xử trong trường học. +Bảo vệ môi trường học đường sáng - xanh - sạch - đẹp. +Bảo vệ di tích lịch sử địa phương. *Hình thức: Sân khấu hóa	Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Đạt	Chưa đạt
			1.Thiết kế nội dung tuyên truyền	Đúng chủ đề		
				Đủ các nội dung		
				Các nội dung được sắp xếp hợp lí, logic		
				Các từ ngữ được sử dụng hiệu quả		
			2.Kĩ năng tuyên truyền	Giọng nói rõ ràng, không nói ngọng, nói lắp		
				Tốc độ nói vừa phải, âm lượng nói vừa đủ		
				Cách trình bày: tôn trọng, thân thiện với người nghe		

		hoặc hùng biện.		Có sự tương tác với người nghe khi trình bày		
				Sử dụng kết hợp giữa lời thuyết trình với ngôn ngữ cơ thể, tranh ảnh, video minh họa... phù hợp		
			3.Kỹ năng hợp tác với bạn bè trong nhóm	Hợp tác, phối hợp nhịp nhàng với bạn trong hoạt động tuyên truyền.		
			4.Thời gian tuyên truyền	Đảm bảo đúng thời gian quy định		
<p>Đạt: Học sinh đạt từ 6 tiêu chí trở lên Chưa đạt: Học sinh đạt được nhiều nhất 5 tiêu chí trở xuống</p>						
3	Bài đánh giá giữa kì II	Vì một môi trường xanh -Nội dung: Báo cáo tìm hiểu môi trường tự nhiên tại địa phương nơi em ở và giải pháp giúp bảo vệ môi trường. -Hình thức: +Thuyết trình qua bài trình chiếu powerpoint +Hình ảnh thực tế khảo sát đánh giá	STT	Nội dung đánh giá	Đạt	Chưa đạt
			1	Phân tích, đánh giá được thực trạng môi trường tự nhiên ở địa phương và nguyên nhân do tác động của con người.		
			2	Thuyết trình tự tin, phong thái chuẩn mực.		
			3	Nội dung thuyết trình phù hợp với người nghe		
			4	Đề xuất được ít nhất 3 giải pháp để bảo vệ môi trường tự nhiên ở địa phương.		
			5	Nêu bật được ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường tự nhiên		

		môi trường tại địa phương.	6	Có sự sáng tạo trong thuyết trình		
			7	Có hình ảnh cụ thể trong việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường.		
			8	Hợp tác, phối hợp nhịp nhàng với bạn trong hoạt động nhóm		
			Đạt: Học sinh đạt từ 5 tiêu chí trở lên Chưa đạt: Học sinh đạt được nhiều nhất 4 tiêu chí trở xuống			
4	Bài đánh giá cuối kì I	<p>Tìm hiểu hoạt động kinh doanh, sản xuất, dịch vụ ở địa phương và xây dựng kế hoạch học tập rèn luyện theo nhóm nghề đã lựa chọn</p> <p>Hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham quan các nhà máy, hộ kinh doanh, làng nghề tại địa phương. - Báo cáo kết quả buổi tham quan trải nghiệm - Đưa ra định hướng lựa chọn nghề của bản thân. - Xây dựng kế hoạch, định hướng học tập theo nhóm nghề đã lựa chọn. 	STT	Nội dung đánh giá	Đạt	Chưa đạt
			1	Nêu được ý tưởng thực hiện dự án.		
			2	Nêu được mục tiêu khi đến tham quan tại các nhà máy, hộ kinh doanh, làng nghề.		
			3	Thuyết trình tự tin, phong thái chuẩn mực.		
			4	Đánh giá được hiệu quả của các hoạt động kinh tế đối với người lao động, địa phương, người dân.		
			5	Có hình ảnh thực tế khi đến các cơ sở tham quan		
			6	Đưa ra được muốn phát triển loại hình kinh doanh, sản xuất, dịch vụ cần có những yếu tố gì.		
			7	Đưa ra định hướng lựa chọn nghề của bản thân		
			8	Xây dựng và thực hiện được kế hoạch học tập, rèn luyện theo nhóm nghề lựa chọn.		
			9	Hợp tác, phối hợp nhịp nhàng với bạn trong hoạt động nhóm		

			Đạt: Học sinh đạt từ 6 tiêu chí trở lên Chưa đạt: Học sinh đạt được nhiều nhất 5 tiêu chí trở xuống
--	--	--	--

Bảng 9: KẾ HOẠCH TỔ CHỨC DẠY HỌC HĐTNHN LỚP 11
KẾ HOẠCH DẠY HỌC
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP; LỚP 11 (BỘ SÁCH KẾT
NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)
(Năm học: 2023 - 2024)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 13. Số học sinh: 586

Số học sinh lựa chọn học chuyên đề (nếu có):

2. Tình hình đội ngũ:

- Số giáo viên: 13

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ: 05 ; Cử nhân: 08

- Mức đạt chuẩn nghề nghiệp: Từ Khá: 09 Tốt: 04

3. Phương tiện, thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các phương tiện, thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Ghi chú
1	Sách giáo khoa	Theo số lượng HS/lớp	
2	Máy chiếu	01 máy chiếu/01 lớp	
3	Bảng phụ	Theo số lượng từng lớp	

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

Học kì I: 18 tuần x 3 tiết/tuần = 54 tiết

Học kì II: 17 tuần x 2 tiết/tuần = 34 tiết

Tuần	Tiết	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
		Chủ đề 1. Xây dựng và phát triển nhà trường	9	
		Chủ đề 2. Khám phá bản thân 1	12	
		Chủ đề 4. Trách nhiệm với gia đình	9	
18	53	Đánh giá cuối học kì I	1	
		Chủ đề 5. Phát triển cộng đồng	9	
		Chủ đề 6: Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	6	
		Chủ đề 7: Bảo vệ môi trường)	9	
		Chủ đề 8. Các nhóm nghề cơ bản và yêu cầu của thị trường lao động	12	

Tuần	Tiết	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
	90	Đánh giá giữa HKII	1	
		Chủ đề 9. Rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với nhóm nghề lựa chọn	11	
		Chủ đề 10. Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo định hướng ngành, nghề lựa chọn	6	
	105	Đánh giá cuối học kì II		

4.2.2. Tổ chức hoạt động NCKH và GD STEM

a. Kế hoạch tổ chức cuộc thi NCKHKT

Bảng 10: KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CUỘC THI KHKT

Thời gian	Công việc	Người thực hiện	Ghi chú
9/2023	- Thông báo về Kế hoạch tổ chức cuộc thi NCKHKT. - Phát động cuộc thi	Ban giám hiệu, Đoàn Thanh niên, Tổ nhóm chuyên môn, GVCN lớp.	
01-10/10/2023	- Các tập thể lớp lên ý tưởng - Tổ nhóm chuyên môn xây dựng hoặc duyệt ý tưởng cho nhóm HS thực hiện và giám sát, hướng dẫn	Tổ nhóm chuyên môn, GVCN	Các Tổ chuyên môn, GV bộ môn, GVCN lớp định hướng nghiên cứu cho HS về công tác nghiên cứu KHKT.
15-20/10/2023	- Tập hợp, phân loại các dự án - Học sinh báo cáo đề nghị giáo viên hướng dẫn dự án (nếu cần) - Tổ chuyên môn chỉnh sửa các đề án được lựa chọn		
Đầu tháng 01/11/2023	Hội thi cấp trường (dự kiến)	Ban chỉ đạo. Học sinh và giáo viên hướng dẫn.	Các đề tài qua vòng chấm tổ CM tiếp tục hoàn thiện dự thi vòng cấp trường.
Cuối tháng 24/11/2023	Cuộc thi Sơ khảo cấp TP	Ban chỉ đạo. Học sinh và giáo viên hướng dẫn.	Các đề tài qua vòng trường tiếp tục hoàn thiện dự thi cấp thành phố.
Cuối tháng 12/2023	Cuộc thi chung khảo cấp TP	Ban chỉ đạo. Học sinh và giáo viên hướng dẫn.	

b. Kế hoạch hoạt động giáo dục STEM

Bảng 11: KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC STEM

THỜI GIAN	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	PHỤ TRÁCH
Tháng 9/2023	- Triển khai kế hoạch. - Các tổ xây dựng các chủ đề dạy học, các bài thực hành gắn với hoạt động giáo dục STEM.	BGH TTCM
Tháng 10/2023	Tổ Hóa - Sinh thực hiện 01 tiết dạy STEM như phân công làm mẫu cho nhà trường	Tổ Hóa - Sinh
Tháng 11, 12/2023	Nhóm Tin, Công nghệ, mỗi môn thực hiện 01 tiết dạy STEM	Tổ Vật lí - KTCN - Tin
Tháng 01/2024	Nhóm Vật lí thực hiện 01 tiết dạy STEM	Tổ Vật lí - KTCN - Tin
Tháng 02/2024	Tổ Toán thực hiện 01 tiết dạy STEM	Tổ Toán
Tháng 3-5/2024	Tổng kết, đánh giá hoạt động, đề xuất kế hoạch trong năm học 2023-2024 Tham gia ngày hội STEM cấp thành phố vào 12,13/4/2023.	BCĐ

4.2.3. Kế hoạch tổ chức Hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi

THỜI GIAN	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	PHỤ TRÁCH
Tháng 9/2023	- Triển khai kế hoạch.	BGH TTCM
Tháng 02/2024	- Dự kiến thi GVCN giỏi cấp trường: Mỗi tổ cử ít nhất 01 GV	BGH, TTCM
Tháng 3/2024	- Thi GVCN giỏi cấp cụm; - Cử 04 GV giỏi cấp cụm thi cấp TP	BCĐ

4.2.4. Cuộc thi viết thư UPU; ATGT cho nụ cười ngày mai

- Mỗi tổ nhóm CM có ít nhất 01 sản phẩm gửi về nhà trường theo thời gian quy định trong Kế hoạch.

4.2.5. Hoạt động ngoại khóa

- Nhà trường cùng Ban đại diện CMHS tổ chức cho HS cả 3 khối tham gia hoạt động trải nghiệm thời gian 2 ngày, 1 đêm (sẽ có KH cụ thể cho từng khối lớp);

- Tổ chức Cuộc thi Olympia cấp trường.

4.2.6. Thành lập các câu lạc bộ:

- CLB TN tình nguyện;

- CLB Thể thao;

- CLB du ca;

- CLB phát thanh và truyền thông.

5. KHUNG THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀY**Bảng 12: THỜI GIAN BIỂU**

Buổi sáng		Buổi chiều	
Thời gian	Hoạt động	Thời gian	Hoạt động

6h50-7h00	10 phút	SH đầu giờ	14h-14h45	45 phút	Tiết 1
7h00-7h45	45 phút	Tiết 1	14h45-15h30	45 phút	Tiết 2
8h05-8h50	45 phút	Tiết 2	15h40- 16h25	45 phút	Tiết 3
9h00-9h45	45 phút	Tiết 3	16h25-17h10	45 phút	Tiết 4
9h55-10h40	45 phút	Tiết 4			
10h40-11h30	45 phút	Tiết 5			

6. CÁC KẾ HOẠCH CỤ THỂ

6.1. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá học sinh

Bảng 13: QUY ĐỊNH SỐ ĐIỂM ĐÁNH GIÁ NĂM HỌC 2023-2024

(Theo Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 và Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ GD và ĐT)

MÔN	KHỐI 10			KHỐI 11			KHỐI 12		
	Số tiết/năm	Số ĐĐG _{TX}	Tổng số Điểm ĐG	Số tiết/năm	Số ĐĐG _{TX}	Tổng số Điểm ĐG	Số tiết/năm	Số ĐĐG _{TX}	Tổng số Điểm ĐG
TOÁN	105+35(CĐ)	4+ 1(CĐ kì 2)	4TX+1CĐ kì2+1GK+1CK	105+35(CĐ)	4+ 1(CĐ kì 2)	4TX+1CĐ kì2+1GK+1CK	175	4	4TX+1GK+1CK
VẬT LÝ	70+35(CĐ C1->C10)	3+1CĐ kì 2 (từ C1->C10)	3TX+1CĐ kì2+1GK+1CK	70+35(CĐ B1->B10)	3+1CĐ kì 2 (từ B1->B10)	3TX+1CĐ kì2+1GK+1CK	70	3	3TX+1GK+1CK
HÓA HỌC	70+35(CĐ C1->C10)	3+1CĐ kì 2 (từ C1->C10)	3TX+1CĐ kì2+1GK+1CK	70+35(CĐ B1->B10)	3+1CĐ kì 2 (từ B1->B10)	3TX+1CĐ kì2+1GK+1CK	70	3	3TX+1GK+1CK
SINH HỌC	70	3	3TX+1GK+1CK	70	3	3TX+1GK+1CK	70	3	3TX+1GK+1CK
NGŨ VĂN	105+35(CĐ C9->C13)	4+ 1CĐ kì 2 C9->C13)	4TX+1CĐ kỳ2+1GK+1CK	105+35(CĐ C9->C13)	4+ 1CĐ kì 2 B11->B13)	4TX+1CĐ kỳ2+1GK+1CK	140	4	4TX+1GK+1CK
LỊCH SỬ	52	3	3TX+1GK+1CK	52	3	3TX+1GK+1CK	53	3	3TX+1GK+1CK
ĐỊA LÝ	70+35(CĐ)	3+ 1CĐ kì 2(C9->C13)	3TX++1CĐ kỳ2+1GK+1CK	70+35(CĐ)	3+ 1CĐ kì 2(B11->B13)	3TX++1CĐ kỳ2+1GK+1CK	52	3	3TX+1GK+1CK
CN	70	3	3TX+1GK+1CK	70	3	3TX+1GK+1CK	35	2	2TX+1GK+1CK
GDCD	70	3	3TX+1GK+1CK	70	3	3TX+1GK+1CK	35	2	2TX+1GK+1CK
TIN HỌC	70	3	3TX+1GK+1CK	70	3	3TX+1GK+1CK	52	3	3TX+1GK+1CK
TIẾNG ANH	105	4	4TX+1GK+1CK	105	4	4TX+1GK+1CK	123	4	4TX+1GK+1CK
GDQPAN	35	2	2TX+1GK+1CK	35	2	2TX+1GK+1CK	35	2	2TX+1GK+1CK
TD	70	3	3TX+1GK+1CK	70	3	3TX+1GK+1CK	70	3	3TX+1GK+1CK

Lưu ý: - Cột tổng số điểm đánh giá= Số ĐĐG thường xuyên + số ĐĐG giữa kỳ (1 điểm)+ số ĐĐG cuối kỳ (1 điểm)

- Riêng môn TD, GDDP, HĐTNHN đánh giá bằng nhận xét ; Môn Toán, Văn bài đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ 90 phút; môn tiếng Anh 60 phút (gồm cả kỹ năng nghe)

Bảng 14: KẾ HOẠCH VÀO ĐIỂM CƠ SỞ DỮ LIỆU NGÀNH HỌC KỲ I

TUẦN		4	5	7	8	9	11	12	13	16	17	18
MÔN												
K 10	TOÁN	TX1		TX2			GK		TX3		TX4	CK
	LÝ			TX1		TX2	GK				TX3	CK
	HOÁ			TX1		TX2	GK				TX3	CK
	SINH					TX1	GK		TX2		TX3	CK
	VĂN	TX1		TX2			GK		TX3		TX4	CK
	SỬ					TX1	GK		TX2		TX3	CK
	ĐỊA			TX1		TX2	GK				TX3	CK
	CN					TX1	GK		TX2		TX3	CK
	GDCD					TX1	GK		TX2		TX3	CK
	TIN					TX1	GK		TX2		TX3	CK
	ANH	TX1		TX2			GK		TX3		TX4	CK
	QP					TX1	GK				TX2	CK
	TD					TX1	GK		TX2		TX3	CK
K 11	TOÁN		TX1		TX2		GK	TX3			TX4	CK
	LÝ		TX1		TX2		GK				TX3	CK
	HOÁ		TX1		TX2		GK	TX3			TX4	CK
	SINH		TX1		TX2		GK				TX3	CK
	VĂN		TX1		TX2		GK	TX3			TX4	CK
	SỬ				TX1		GK				TX2	CK
	ĐỊA				TX1		GK				TX2	CK
	CN		TX1		TX2		GK				TX3	CK
	GDCD				TX1		GK				TX2	CK
	TIN		TX1		TX2		GK				TX3	CK
	ANH		TX1		TX2		GK	TX3			TX4	CK
	QP				TX1		GK				TX2	CK
	TD		TX1		TX2		GK				TX3	CK
K 12	TOÁN		TX1		TX2		GK	TX3		TX4		CK

	LÝ		TX1		TX2		GK			TX3		CK
	HOÁ		TX1		TX2		GK			TX3		CK
	SINH		TX1		TX2		GK			TX3		CK
	VĂN		TX1		TX2		GK	TX3		TX4		CK
	SỬ		TX1		TX2		GK			TX3		CK
	ĐỊA		TX1		TX2		GK			TX3		CK
	CN				TX1		GK			TX2		CK
	GDCD				TX1		GK			TX2		CK
	TIN		TX1		TX2		GK			TX3		CK
	ANH		TX1		TX2		GK	TX3		TX4		CK
	QP				TX1		GK			TX2		CK
	TD		TX1		TX2		GK			TX3		CK

Bảng 15: KẾ HOẠCH VÀO ĐIỂM CƠ SỞ DỮ LIỆU NGÀNH HỌC KỲ II

MÔN \ TUẦN		21	23	25	26	27	28	30	32	33	34	35
		K 10	TOÁN	TX1		TX2			GK		TX3	TX4
LÝ				TX1		TX2	GK			TX3	CĐ	CK
HOÁ				TX1		TX2	GK			TX3	CĐ	CK
SINH						TX1	GK		TX2		TX3	CK
VĂN	TX1			TX2			GK		TX3	TX4	CĐ	CK
SỬ						TX1	GK		TX2		TX3	CK
ĐỊA				TX1		TX2	GK			TX3	CĐ	CK
CN						TX1	GK		TX2		TX3	CK
GDCD						TX1	GK		TX2		TX3	CK
TIN						TX1	GK		TX2		TX3	CK
ANH	TX1			TX2			GK		TX3	TX4	CĐ	CK
QP						TX1	GK				TX2	CK
TD					TX1	GK			TX2		TX3	CK
K 11	TOÁN		TX1		TX2		GK	TX3			TX4	CK
	LÝ		TX1		TX2		GK				TX3	CK
	HOÁ		TX1		TX2		GK	TX3			TX4	CK
	SINH		TX1		TX2		GK				TX3	CK
	VĂN		TX1		TX2		GK	TX3			TX4	CK
	SỬ				TX1		GK				TX2	CK

	ĐỊA			TX1		GK				TX2	CK
	CN		TX1		TX2	GK				TX3	CK
	GDCD				TX1	GK				TX2	CK
	TIN		TX1		TX2	GK				TX3	CK
	ANH		TX1		TX2	GK	TX3			TX4	CK
	QP				TX1	GK				TX2	CK
	TD		TX1		TX2	GK				TX3	CK
K 12	TOÁN		TX1		TX2	GK	TX3			TX4	CK
	LÝ		TX1		TX2	GK				TX3	CK
	HOÁ		TX1		TX2	GK				TX3	CK
	SINH		TX1		TX2	GK				TX3	CK
	VĂN		TX1		TX2	GK	TX3			TX4	CK
	SỬ		TX1		TX2	GK				TX3	CK
	ĐỊA		TX1		TX2	GK				TX3	CK
	CN				TX1	GK				TX2	CK
	GDCD				TX1	GK				TX2	CK
	TIN		TX1		TX2	GK				TX3	CK
	ANH		TX1		TX2	GK	TX3			TX4	CK
	QP				TX1	GK				TX2	CK
TD		TX1		TX2	GK				TX3	CK	

Chú ý: Các môn căn cứ kế hoạch để vào điểm đúng tiến độ, đến 11h00 thứ 7 của tuần quy định vào điểm, bộ phận quản trị CSDL sẽ khoá lại. Nếu GV chưa vào hoặc cần sửa chữa điểm phải báo cáo và có giấy đề nghị được BGH duyệt đồng ý mới được quản trị mở để cập nhật. Mọi sửa chữa về điểm trên CSDL phải có biên bản giải trình và lưu hồ sơ.

6.2. Kế hoạch kiểm tra, duyệt hồ sơ chuyên môn trên phần mềm quản lý HSCM

Bảng 16: LỊCH KIỂM TRA CHUYÊN MÔN

Stt	Loại KH	Thời gian gửi lên hệ thống	Thời gian TT/Nhóm trưởng duyệt KH	Thời gian BGH duyệt KH/kiểm tra
1	KH giáo dục nhà trường	Hạn cuối 10/9/2023		
2	KH tổ/nhóm chuyên môn	Hạn cuối 25/9/2023		Từ 25-27/9/2023
3	KHGD cá nhân	Hạn cuối 25/9/2023	Từ 25-27/9/2023	Từ 27-30/9/2023
4	KH bài dạy(gửi 2 tuần 1 lần theo KH GD bộ môn)	Trước ngày 13 và 27 hàng tháng	Ngày 14,15 và 28,29 hàng tháng	Ngày 01, 30 hàng tháng

Bảng 17: PHÂN CÔNG GIÁO VIÊN VÀO ĐIỂM CSDL VÀ KÝ HỌC BẠ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

STT	HỌ VÀ TÊN GV	NHIỆM VỤ
1	Nguyễn Thị Là	Vào điểm, ký học bạ B1-B4
2	Đỗ Thị Thanh Hà	Vào điểm, ký học bạ B5-B7
3	Bùi Thị Trang Dung	Vào điểm, ký học bạ B8-B10
4	Phạm Thị Nguyệt Tú	Vào điểm, ký học bạ B11-B13
5	Phạm Thị Lan Oanh	Vào điểm, ký học bạ C1-C4
6	Vũ Thị Lương	Vào điểm, ký học bạ C5-C7
7	Đinh Thị Thập	Vào điểm, ký học bạ C8-C10
8	Đặng Thị Thuận	Vào điểm, ký học bạ C11-C13

7. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

7.1. Trách nhiệm của các thành viên

a. Đối với Hiệu trưởng

- Phụ trách chung, chịu trách nhiệm trước cấp trên và tập thể HĐSP về mọi hoạt động của nhà trường.

- Trực tiếp phụ trách công tác tư tưởng chính trị, công tác tổ chức, nhân sự, tài chính.

b. Đối với Phó hiệu trưởng

b1. Đồng chí PHT Nguyễn Thị Là- Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng, cấp trên các nội dung sau:

- Công tác chuyên môn: Toàn bộ công tác dạy và học chính khóa, dạy thêm học thêm. (PCCCM, TKB, kiểm tra đánh giá xếp loại giáo viên, học sinh,...)

- Phụ trách các chương trình, cuộc thi, hội thi: Giáo viên giỏi, học sinh giỏi cấp trường, thành phố, quốc gia và những chương trình thuộc lĩnh vực chuyên môn được Hiệu trưởng trực tiếp phân công.

- Công tác bồi dưỡng giáo viên.

- Phụ trách công tác hành chính các tổ chuyên môn: Lý-Hóa-Sinh; TD-GDQP&AN-CN.

- Chương trình học tập, hội thao môn GDQP-AN

- Duyệt kết quả học tập và phê học bạ cuối năm khối 10.

b2. Đồng chí PHT Vương Văn Huy - Phó hiệu trưởng phụ trách công tác CSVC, ANAT; GVCN, hoạt động ngoài giờ lên lớp, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng, cấp trên các nội dung sau:

- Phụ trách công tác văn phòng (Công tác hồ sơ sổ sách, khảo thí, văn thư lưu trữ, văn bản, kế toán, thủ quỹ, thư viện, y tế, phòng truyền thống...)

- Công tác CSVC, trang thiết bị dạy học.

- Công tác dân quân tự vệ, an ninh, an toàn trường học, phòng cháy chữa cháy, phòng chống dịch bệnh, ma túy, bạo lực học đường. (Quản lý đội ngũ nhân viên bảo vệ, coi xe, lao công phục vụ, căng tin)

- Phụ trách công tác hành chính các tổ chuyên môn: Ngoại ngữ-GDCD; Tin học - Văn phòng.

- Công tác hướng nghiệp, tuyển sinh lớp 10, tuyển sinh Đại học, học và thi chứng chỉ tin học quốc tế MOS (nếu có), chương trình định hướng học và thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS, học tiếng Anh với GV nước ngoài, câu lạc bộ tiếng Nhật, Hàn (nếu có), cuộc thi cuộc thi tiếng Anh trên Internet (IOE).

- Công tác CNTT – Chuyên đổi số (Các ứng dụng CNTT vào dạy và học, quản lý Email, văn bản điện tử, thông tin truyền thông trên website-facebook-fanpage của trường,...)

- Công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ, pháp chế, hồ sơ sổ sách của giáo viên.

- Phụ trách công tác Công đoàn, đánh giá, thi đua, khen thưởng, hướng dẫn SKKN của CBGV. (Kết hợp với đồng chí Chủ tịch Công đoàn và đồng chí thư ký HĐSP nhà trường – 2 đồng chí thuộc Ban thi đua của trường)

- Duyệt kết quả học tập và phê học bạ cuối năm khối 12.

- Quản lý, đánh giá công tác giáo viên chủ nhiệm và hoạt động GDNGLL theo phân phối chương trình của K12 và hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp của K10-11 theo chương trình GDPT mới 2018.

- Công tác hành chính các tổ chuyên môn: Toán - CN10; Văn-Sử-Địa

- Công tác lao động, vệ sinh trường học của học sinh.

- Các cuộc thi thuộc lĩnh vực chính trị, tư tưởng, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao do cấp trên phát động và những chương trình được Hiệu trưởng trực tiếp phân công.

- Các cuộc thi KHKT, giáo dục STEM, Olympia cấp trường (hoặc quốc gia) nếu có, các hoạt động tập thể do Thành phố, quận huyện triệu tập.

- Tổ chức, theo dõi đánh giá, xếp loại thi đua của các lớp thuộc lĩnh vực nền nếp, thực hiện nội quy của trường theo từng đợt.

- Tham mưu, xây dựng chương trình, quản lý, tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, văn hóa văn nghệ TDTT, các CLB của học sinh, Hội khỏe Phù đổng...

- Các hoạt động tập thể lớn trong nhà trường như: Lễ Khai giảng, sơ kết, tổng kết năm học, Lễ kỷ niệm 20/11, 22/12, 8/3, 26/3,...

- Phụ trách Đoàn trường, khuyến học, Hội chữ thập đỏ, công tác đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo, từ thiện.

- Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, tư vấn học đường, du học (nếu có)

- Đại diện BGH tham gia trong Ban đại diện Hội CMHS nhà trường.

- Đại diện BGH nhà trường phụ trách công tác liên lạc, tổ chức gặp gỡ, đón tiếp các cựu CBGVNV, cựu học sinh trở về thăm trường hàng năm. Đặc biệt là trong giai đoạn 2023-2025, chuẩn bị cho kỷ niệm 60 năm thành lập trường dự kiến tháng 11/2025.

- Duyệt kết quả học tập và phê học bạ cuối năm khối 11.

c. Tổ trưởng chuyên môn

- Giúp Ban Giám hiệu về các hoạt động chuyên môn của tổ, nhóm CM

- Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ, nhóm, xây dựng các chủ đề dạy học.

Tổ chức các hoạt động chuyên đề, tiết dạy thử nghiệm, dạy chuyên đề... trong tổ, nhóm chuyên môn.

- Tham gia thanh tra chuyên môn, giám sát, kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên theo yêu cầu của Hiệu trưởng.

- Tổ chức các hoạt động tuyển chọn, bồi dưỡng học sinh giỏi.

- Triển khai các hoạt động chung của nhà trường tới các thành viên của tổ, nhóm chuyên môn. Tổ chức tham gia các phong trào thi đua, viết sáng kiến.

- Tham dự các cuộc họp quan trọng của nhà trường. Tham gia, đóng góp ý kiến vào những chủ trương lớn của nhà trường.

- Tham mưu với Ban Giám hiệu trong việc phân công chuyên môn, đánh giá chuyên môn của các thành viên trong tổ, nhóm.

- Dự giờ thăm lớp của các thành viên trong tổ, nhóm thuộc chuyên môn tối thiểu 1 tiết/học kì/1gv. Chỉ đạo nhóm trưởng chuyên môn dự giờ thăm lớp của các thành viên trong nhóm tối thiểu 1tiết/học kì.

- Chịu trách nhiệm trước Ban Giám hiệu về các hoạt động chuyên môn, cũng như chất lượng giảng dạy của tổ, nhóm do mình phụ trách.

d. Đối với Đoàn TN

- Có lịch trực cụ thể của BCH được công khai cùng với lịch trực khác trong nhà trường

- Cùng với Ban HĐGDNGLL, HĐTNHN xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động đoàn và phong trào thanh niên kết hợp với hoạt động TNHN, HĐNGLL và các hoạt động ngoại khoá khác gắn với việc giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho đoàn viên thanh niên.

- Kết hợp cùng các tổ chức đoàn thể khác trong nhà trường trong công tác đảm bảo an ninh, an toàn trường học, tuyên truyền giáo dục pháp luật cho đoàn viên thanh niên.

- Tích cực động viên đoàn viên giáo viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ...

e. Đối với nhân viên Thư viện-Thiết bị

- Có đầy đủ hồ sơ theo công việc chuyên môn đảm nhiệm và trình BGH phụ trách ký theo quy định.

- Thực hiện đúng quy định của nhà trường về chuyên môn, đảm bảo ngày công, giờ công, đến trường đúng giờ quy định, hoàn thành công việc theo chức trách được giao.

- Sắp xếp thiết bị ngăn nắp, có trách nhiệm bảo quản TBDH, nhất là những thiết bị thành, thí nghiệm, đảm bảo an toàn khi sử dụng thiết bị.

- Có lịch làm việc hợp lý, khi đi công tác phải báo cáo lãnh đạo trực

- Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về kết quả công việc được giao

f. Đối với giáo viên

- Thực hiện giảng dạy đúng kế hoạch và chương trình giáo dục

- Có đầy đủ hồ sơ chuyên môn theo quy định

- Tích cực tham gia dự giờ đồng nghiệp. Dự đầy đủ các tiết chuyên đề, tiết dạy rút kinh nghiệm.

- Có trách nhiệm quản lý toàn bộ hoạt động của lớp trong tiết dạy, chịu trách nhiệm trước Ban Giám hiệu nếu để xảy ra tình trạng lộn xộn, mất trật tự, mất vệ sinh, khung cảnh sư phạm không đạt yêu cầu trong tiết dạy.

- Có trách nhiệm thông báo kịp thời với Ban Giám hiệu khi có sự cố hoặc những hiện tượng bất thường trong tiết dạy. Không tùy tiện cho học sinh nghỉ, không ra sớm vào muộn.

- Có trách nhiệm thông báo thường xuyên về tình hình bộ môn cho giáo viên chủ nhiệm và tổ nhóm chuyên môn, phối hợp với giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh trong việc giáo dục đạo đức và tổ chức học tập của học sinh. Không tổ chức lớp dạy thêm cho học sinh khi chưa được sự đồng ý của Hiệu trưởng.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng sư phạm, sinh hoạt tổ, bộ môn, nhóm chuyên môn. Tuân thủ sự điều hành của tổ, nhóm trong các hoạt động chuyên môn.

- Tham gia tích cực vào các phong trào thi đua của trường và của Ngành. Thường xuyên tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Thực hiện chương trình bồi dưỡng thường xuyên của Bộ, Sở; viết và hoàn thành sáng kiến đúng kì hạn.

- Có trách nhiệm tham gia phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi, hướng dẫn học sinh làm đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật.

- Có trách nhiệm phát hiện học sinh có năng khiếu ở bộ môn mình để tuyển chọn bồi dưỡng tham gia đội tuyển của trường.

- Mọi trường hợp nghỉ cần gửi đơn xin phép Ban Giám hiệu trước 1 ngày và báo cáo với tổ, nhóm trưởng. Trường hợp đột xuất phải báo cáo ngay khi có thể được.

- Nghỉ dạy vì việc riêng phải tự nhờ giáo viên đứng phân môn của mình dạy thay hoặc đổi giờ và phải báo cáo với Ban Giám hiệu. Việc nhờ giáo viên dạy thay chỉ được thực hiện khi đã được sự đồng ý của Ban Giám hiệu. Giáo viên nghỉ dạy vì việc riêng không có người dạy thay sẽ phải bố trí thời gian dạy bù. Trước khi dạy bù phải báo cho tổ, nhóm trưởng biết. Tiết dạy thay sẽ không được tính tiền.

*** Đối với giáo viên chủ nhiệm:**

- Cập nhật chính xác, kịp thời, đầy đủ thông tin về học sinh trên cơ sở dữ liệu ngành.

- Ghi sổ chủ nhiệm, học bạ điện tử đầy đủ, chi tiết theo quy định.

- Tổ chức điều hành các hoạt động của lớp; Đánh giá, xếp loại; khen thưởng, kỷ luật học sinh đúng quy định; kịp thời xử lý các vi phạm của học sinh, báo cáo về BGH.

- Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về công tác quản lý lớp chủ nhiệm

*** Đối với giáo viên tham gia hoạt động kiêm nhiệm**

Thực hiện nghiêm túc các quy định về hoạt động kiêm nhiệm do Hiệu trưởng nhà trường trung dụng theo yêu cầu và nhiệm vụ của nhà trường: Trực ban, tham gia công tác văn phòng, khảo thí, tổng hợp kết quả thực hiện nền nếp của giáo viên và học sinh...(có quy định riêng của từng bộ phận, giao cho các đồng chí Phó hiệu trưởng các mảng trực tiếp triển khai và theo dõi).

7.2. Công tác phối hợp với các bên liên quan

- Phối hợp với các cơ quan ban ngành trên địa bàn làm tốt công tác giáo dục. Cụ thể:

+ Phối hợp với Công an thị trấn và công an huyện tuyên truyền giáo dục pháp luật cho học sinh, đảm bảo an ninh an toàn trường học.

+ Phối hợp cùng huyện đoàn An Lão tổ chức và thực hiện tốt các phong trào thanh niên trường học, tổ chức các chuyên đề, phong trào Đèn ơn đáp nghĩa, hoạt động tình nguyện, hoạt động từ thiện...

- Phối hợp cùng các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền để nhân dân hiểu rõ về những điểm mới của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, từ đó đồng hành cùng nhà trường thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ năm học.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường nói riêng và phụ huynh học sinh toàn trường nói chung giáo dục học sinh- đặc biệt đối với những học sinh gặp khó khăn về rèn luyện, học tập hoặc có hoàn cảnh khó khăn.

7.3. Công tác kiểm tra, giám sát

- Kiểm tra đột xuất: BGH kết hợp cùng tổ chuyên môn tổ chức kiểm tra đột xuất giáo viên trong tổ (mỗi tháng từ 1-2 đồng chí), với nội dung:

+ Dự giờ tiết dạy không báo trước.

+ Kiểm tra kế hoạch bài dạy tiết dạy.

- Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra của tổ cụ thể, chi tiết và thường xuyên.
- Kiểm tra chuyên đề: Xây dựng kế hoạch thanh kiểm tra nội bộ, kiểm tra chuyên đề các hoạt động chuyên môn.
- 100% CBGV được kiểm tra trong năm học
- Kiểm tra hoạt động sư phạm : ít nhất 4 đợt/ năm(Theo các đợt thi đua + đợt xuất)
- Kiểm tra công tác LĐVS 1 lần/ ngày, kiểm tra CSVC chung 1 lần/ tháng
- Xây dựng kế hoạch dự giờ, kiểm tra hồ sơ chuyên môn: Dự giờ 50% số tiết của tổ. Kiểm tra hồ sơ 100% hồ sơ của giáo viên.
- Thực hiện công tác đánh giá CBGV 1 lần/ tháng, phần đầu cuối năm
- **Kiểm tra chất lượng:** Tổ chức tốt các đợt kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, khảo sát chất lượng ở các khối lớp.

7.4. Chế độ thông tin báo cáo

- Đề việc quản lý học sinh được chặt chẽ, giáo viên cần cập nhật danh sách học sinh theo lớp trên CSDL ngành vào đầu năm học.
- Cập nhật kịp thời các hoạt động, thông tin của nhà trường trên trang Web.
- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ và đợt xuất.
- Thông tin hai chiều kịp thời, báo cáo các mặt hoạt động động của các cá nhân, bộ phận mình chính xác, đúng thời gian quy định về lãnh đạo nhà trường

8. Lịch công tác trọng tâm năm học

Bảng 19: LỊCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Tuần TH c/trình	Thời gian (học kỳ I)	Những hoạt động lớn	Tuần TH c/trình	Thời gian (học kỳ II)	Những hoạt động lớn
1	Từ 06-10/9	- Thực hiện TKB chính thức kỳ I - Hoàn thành KHGD tổ nhóm chuyên môn(6/9) - Hoàn thành KHGD nhà trường	19	Từ 15/01-20/01	
2	Từ 11/9-17/9	Thi khảo sát đội tuyển HSG lần 2(liên trường)	20	Từ 22/01-28/01	- Hội thi GVCN giỏi cấp Cụm - Nộp báo cáo Sơ kết kỳ I về Sở
3	Từ 18/9-24/9	Tham gia thi HSG bảng A(20/9)	21	Từ 29/01-04/02	
4	Từ 25/9-01/10			Từ 05/02-11/02	Nghỉ Tết nguyên đán
5	Từ 02/10-08/10	Thi chọn đội tuyển giải toán và KHTN trên máy tính cầm tay; thi toán và KHTN bằng tiếng Anh cấp trường chọn đội tuyển dự thi thành phố	22	Từ 12/02-18/02	
6	Từ 09/10-15/10		23	Từ 19/02-25/02	
7	Từ 16/10-22/10	Chung khảo cuộc thi xây dựng thiết bị dạy học số cấp trường	24	Từ 26/02-03/3	Tham gia Hội thi GVCN giỏi TP

8	Từ 23/10-29/10	Kiểm tra giữa kỳ I	25	Từ 04/3-10/3	
9	30/10-05/11		26	Từ 11/3-17/3	Kiểm tra giữa kỳ II
10	Từ 06/11-12/11	- 08/11: Thi giải toán và KHTN trên máy tính cầm tay cấp TP - 12/11: Giải chạy S-Race	27	Từ 18/3-24/3	
11	Từ 13/11-19/11		28	Từ 25/3-31/3	
12	Từ 20/11-26/11	- 24/11: Vòng sơ khảo cuộc thi KHKT cấp TP - Hội thao GDQ- AN và HKPD cấp trường	29	Từ 01/4-07/4	
13	Từ 27/11-03/12	HKPD thành phố	30	08/4-14/4	- Chung khảo cuộc thi xây dựng thiết bị dạy học số cấp TP - Thi chọn HSG lớp 10,11 cấp trường
14	Từ 04/12-10/12	Thi HSG thành phố bảng B	31	Từ 15/4-21/4	Khảo sát học sinh lớp 12 lần 1 toàn TP
15	Từ 11/12-17/12	14,15/12: chung khảo cuộc thi KHKT cấp TP	32	Từ 22/4-28/4	
16	18/12-24/12		33	Từ 29/4-05/5	
17	Từ 25/12-31/12	Kiểm tra cuối kỳ I	34	06/5-12/5	Khảo sát học sinh lớp 12 toàn TP
18	Từ 01/01/2024 đến 07/01		35	Từ 13/5-19/5	Kiểm tra cuối kỳ II
	Từ 08/01-14/01	- 12/01: Thi giải toán và các môn KHTN bằng tiếng Anh - Dạy bù học kỳ I		Từ 20/5-25/5	- Dạy bù học kỳ II - Báo cáo tổng kết năm học nộp Sở

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT
- BGH, TTCM
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

c. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh

d. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục

Số: /KHCM-THPT AL

An Lão, ngày tháng 02 năm 2024

KẾ HOẠCH

Bồi dưỡng nhóm học sinh giỏi đạt thành tích cao; Ôn tập, phụ đạo học sinh yếu, kém khối 12 học kỳ II, năm học 2023-2024

Căn cứ Văn bản của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục trung học năm học 2023-2024;

Thực hiện Văn bản của Sở GD&ĐT Hải Phòng về hướng dẫn sơ kết học kỳ I và sơ kết lĩnh vực GDTrH học kỳ I năm học 2023-2024;

Căn cứ Kế hoạch năm học và Kế hoạch chuyên môn năm học 2023-2024, kết quả khảo sát chất lượng đầu năm, kết quả kiểm tra cuối kỳ I, năm học 2023-2024 ;

Căn cứ Kết luận của các Cuộc họp Đảng ủy, cán bộ chủ chốt và các tổ/nhóm chuyên môn. Nhằm nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường đối với đối tượng học sinh có khả năng đạt thành tích cao trong kì thi TN THPT năm 2024, đồng thời giải quyết tình trạng học sinh thuộc diện yếu kém để nâng cao chất lượng giáo dục chung của nhà trường, Trường THPT An Lão đề ra kế hoạch Bồi dưỡng học sinh đạt thành tích cao; ôn tập, phụ đạo học sinh yếu kém như sau:

I. THỰC TRẠNG:

a. Thuận lợi:

- Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, luôn quan tâm đến chất lượng giáo dục của nhà trường;

- Một nhóm học sinh top trên có năng lực tư duy, khả năng đạt điểm cao trong kì thi TN THPT 2024; nhiều năm nhà trường đều có học sinh đạt thủ khoa khối A00, B00 thành phố.

- Đa số phụ huynh đồng tình và hợp tác tốt với nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch bồi dưỡng học sinh đạt thành tích cao và ôn tập, phụ đạo học sinh yếu, kém;

b. Khó khăn:

- Một bộ phận giáo viên chưa chú trọng đến công tác phụ đạo học sinh yếu kém, giáo viên trong đánh giá kết quả học sinh còn theo chủ quan và chưa thực sự chú ý đến việc khuyến khích sự tiến bộ của học sinh;

- Một bộ phận phụ huynh chưa thật sự quan tâm, chăm lo và đôn đốc con em mình học tập, còn phó thác cho nhà trường, cho thầy cô;

- Đa số học sinh yếu, kém lại thường là nghỉ học tự do.

- Nhận thức và thái độ của phụ huynh trong việc hợp tác với nhà trường chưa cao.

II. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Nâng cao kiến thức nhằm giúp cho những học sinh có học lực xuất sắc ở các bộ môn có thể đạt thành tích cao trong kì thi TN THPT năm 2024.

- Nhằm củng cố, bổ sung, hệ thống kiến thức bị “hổng” cho một số học sinh có nhận thức chậm và lực học yếu, kém ở một số môn.

- Nâng cao chất lượng giáo dục học sinh, giảm tỷ lệ học sinh yếu kém ở các bộ môn, nhằm nâng cao chất lượng điểm trung bình của các bộ môn trong kì thi TN THPT năm 2024.

2. Yêu cầu:

- Tổ/nhóm bộ môn cần họp bàn xây dựng Kế hoạch cụ thể, chi tiết đối với từng nhóm đối tượng học sinh: học sinh đạt thành tích cao; nhóm học sinh có học lực yếu, kém.

- Giáo viên được phân công dạy nhóm đối tượng học sinh đạt thành tích cao; ôn tập, phụ đạo học sinh yếu, kém cần xây dựng bài dạy đầy đủ với kiến thức cơ bản, cần thiết theo nhu cầu của học sinh. Các chủ đề ôn tập, phụ đạo cần thống nhất theo bộ môn, đảm bảo yêu cầu và phù hợp với nhận thức của học sinh.

- Các giáo viên trong quá trình ôn tập, phụ đạo cần đảm bảo tính hệ thống, chú trọng phát triển tư duy và kỹ năng học tập, phương pháp nhận thức của môn học.

- Phụ đạo bình thường thực hiện song song vừa bổ sung kiến thức cơ sở dùng để phục vụ ngay bài học của chương trình.

- Giáo viên nghiên cứu tài liệu, có kế hoạch bài dạy đầy đủ khi lên lớp, có sổ theo dõi học sinh học tập; kiểm tra đánh giá học tập của học sinh trong quá trình ôn tập, phụ đạo.

- Học sinh tham gia đầy đủ các buổi ôn tập, phụ đạo, tích cực học tập; những học sinh có sự tiến bộ trong quá trình ôn tập sau các bài kiểm tra sẽ không phải phụ đạo theo lớp học đó tiếp theo.

III. KẾ HOẠCH CỤ THỂ

1. Hình thức tổ chức: Bồi dưỡng, ôn tập và phụ đạo theo từng môn của khối 12.

2. Tổ chức bồi dưỡng, ôn tập và phụ đạo:

- Thời gian bắt đầu HKII từ 17/01/2024 đến hết 30/6/2024.

- Bồi dưỡng HS đạt điểm cao thuộc các khối thi A00, B00: Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học.

- Phụ đạo học sinh yếu kém: Tập trung vào các môn ôn thi TN THPT: Toán, Văn, Tiếng Anh, Lý, Hóa, Sinh, Sử, Địa...

+ Riêng môn: Tiếng anh, Hóa, Sinh nhà trường tổ chức lớp ôn đối với đối tượng học sinh top dưới cùng, nhóm học sinh yếu trong lớp giáo viên giảng dạy chịu trách nhiệm tự bồi dưỡng; tổ/nhóm chuyên môn phân công giáo viên, nhà trường lên TKB.

+ Các môn còn lại: Giáo viên giảng dạy tự chịu trách nhiệm bổ sung kiến thức cho đối tượng học sinh yếu kém.

- Mỗi giáo viên tăng cường ôn tập, phụ đạo ít nhất một số nội dung, chuyên đề.

- Các tổ chuyên môn và cá nhân phải có kế hoạch:

+ Bồi dưỡng học sinh đạt điểm cao:

+ Ôn tập, phụ đạo học sinh yếu kém:

Gồm nội dung kiến thức, thời lượng, mức độ cần đạt được; phân công giáo viên,...

3. Nội dung bồi dưỡng; ôn tập và phụ đạo:

Đối tượng học sinh đạt thành tích cao giáo viên giảng dạy chú trọng bổ sung những kiến thức từ cơ bản đến nâng cao, bám sát những chủ đề khó trong các đề thi TN THPT các năm gần đây.

- Đối tượng học sinh yếu, kém: nội dung ôn tập, phụ đạo chủ yếu tập trung vào việc bù lấp những kiến thức còn thiếu hụt, những kỹ năng còn yếu của học sinh từ những

học kỳ, năm học trước. Cùng cố, ôn tập, hệ thống hoá, khắc sâu những kiến thức đã học để học sinh nắm vững kiến thức cơ bản theo chuẩn kiến thức, kỹ năng môn học đã quy định.

- Chương trình ôn tập, phụ đạo thực hiện theo kế hoạch phụ đạo đã được tổ chuyên môn thống nhất xây dựng cho từng khối lớp. Trong quá trình phụ đạo, có thể điều chỉnh kế hoạch, nội dung và phương pháp cho phù hợp với đối tượng học sinh.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban giám hiệu:

- Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch bồi dưỡng học sinh đạt thành tích cao; ôn tập, phụ đạo học sinh yếu, kém năm học 2023-2024. Hợp cha mẹ học sinh để thông báo kết quả học kỳ I của học sinh; xin ý kiến của các bậc phụ huynh để đồng hành cùng với nhà trường.

- Quản lý, chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp.

- Giám sát, trực ban; động viên, khích lệ và chia sẻ những khó khăn cùng giáo viên và học sinh.

2. Tổ/nhóm trưởng chuyên môn:

- Chịu trách nhiệm trước BGH nhà trường về quản lý tổ viên về công tác bồi dưỡng; ôn tập, phụ đạo.

- Xây dựng kế hoạch ôn tập, phụ đạo bộ môn, phân công giảng dạy và quản lý, theo dõi việc thực hiện kế hoạch của giáo viên; điều chỉnh kế hoạch giảng dạy phù hợp với đối tượng học sinh.

- Phân tích kết quả điểm số và học tập học kỳ I của từng học sinh để có kế hoạch dạy học, ôn tập học kỳ II phù hợp.

- Tổ chức rút kinh nghiệm việc bồi dưỡng; ôn tập, phụ đạo và báo cáo tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ với BGH phụ trách của nhà trường định kì 01 tháng/lần.

3. Giáo viên bộ môn:

- Thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch bồi dưỡng; ôn tập, phụ đạo đã được thống nhất ở tổ chuyên môn và kế hoạch của nhà trường. Có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình giúp đỡ học sinh giỏi đào sâu, nâng cao kiến thức cũng như nhóm học sinh yếu, kém đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng môn học.

- Trong quá trình bồi dưỡng; ôn tập, phụ đạo cần lưu ý nắm bắt được đối tượng, năng lực nhận thức, phát hiện hỏng về kiến thức, chưa có phương pháp nhận thức môn học, thống nhất về nội dung giảng dạy giữa chính khóa, phụ đạo, và tự học, sử dụng các hình thức tổ chức học tập, phát huy ưu thế học nhóm trong đó chú trọng sự tương trợ giữa học sinh học khá dành cho học sinh học yếu nhằm nâng cao hiệu quả tiết học, không khí học tập sôi nổi, học sinh học tập tích cực.

- Thông báo thường xuyên về tình hình phấn đấu, học tập của học sinh cho GVCN để có biện pháp giáo dục, duy trì sĩ số học ôn tập, phụ đạo.

- Nghiêm cấm việc dạy thiếu trách nhiệm gây tốn kém thời gian, ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, thanh danh nhà giáo, làm mất lòng tin của học sinh và phụ huynh đến nhà trường và giáo viên.

- Những học sinh có kết quả kiểm tra yếu, kém giáo viên sắp xếp thời gian bồi dưỡng kịp thời ngoài số tiết đã phân công theo quy định ngay sau thời điểm có kết quả kiểm tra.

4. Giáo viên chủ nhiệm:

- Phối hợp với giáo viên bộ môn quản lý, đôn đốc học sinh tham gia đầy đủ các buổi bồi dưỡng; buổi học phụ đạo theo lịch của nhà trường.

- Thường xuyên liên lạc với gia đình học sinh để phối hợp, động viên các em tham gia học tập đầy đủ. Cho học sinh yếu kém ký cam kết với nhà trường trong việc thực hiện nghiêm túc các giải pháp mà nhà trường đưa ra để đảm bảo chất lượng học tập học kỳ II.

- Thu nhận thông tin phản hồi từ học sinh về quá trình giảng dạy, bồi dưỡng của giáo viên bộ môn với lớp, nhằm ngăn chặn thái độ, hành vi tiêu cực gây tổn hại đến quyền lợi của người học, mục tiêu, uy tín nhà trường.

5. Phụ huynh học sinh

- Giám sát việc học tập của con, đồng hành cùng nhà trường trong công tác giáo dục học sinh.

- Cùng với nhà trường trong công tác xã hội hóa, tạo điều kiện về vật chất, tinh thần cho đội ngũ thầy cô giáo giảng dạy.

Trên đây là kế hoạch Bồi dưỡng học sinh đạt thành tích cao; ôn tập, phụ đạo học sinh yếu kém của nhà trường. Các tổ chuyên môn, giáo viên căn cứ kế hoạch và thực hiện theo nhiệm vụ được phân công. Trong quá trình thực hiện nếu có gì khó khăn đề nghị liên hệ BGH để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục (để báo cáo);
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- PHT (để chỉ đạo),
- TTCM (để phối hợp chỉ đạo);
- GVĐG (để thực hiện);
- Website trường;
- Lưu: VT, CM.

HIỆU TRƯỞNG

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm trước

a. Kết quả tuyển sinh năm học 2023 -2024

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Số HS chuyển đến	Số HS chuyển đi	Trong đó		
					HS nữ	HS dân tộc	HS khuyết tật
10	584	13	0	0	344	1	2
11	584	13	0	3	354	0	0
12	493	11	1	1	307	0	3
Toàn Trường	1661	37	7	4	1005	1	5

b. Thống kê kết quả đánh giá theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

- Kết quả xếp loại hạnh kiểm

Khối	Số HS	Xếp loại							
		Tốt	%	Khá	%	TB/Đ	%	Yếu/CD	%
10	584	570	97.6	13	2.23	1	0.17	0	0
11	584	576	98.63	8	1.37	0	0	0	0
12	493	492	29.62	1	0.06	0	0	0	0
Toàn Trường	1661	1638	98.62	22	1.32	1	0.06	0	0

- Kết quả xếp loại học lực

Khối	Tổng số HS ĐG	Kết quả học tập								Danh hiệu					
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		HSXS		HSG		HSTT	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
10	584	379	64.9	200	34.25	5	0.86	0	0	54	9.25	324	55.48	0	0
11	584	422	72.26	159	27.23	3	0.51	0	0	94	16.1	326	55.82	0	0
12	493	457	92.9	35	7.1	0	0	0	0	0	0	457	92.9	36	7.3
Toàn trường	1661	1285	77.36	370	22.28	6	0.51	0	0	148	8.9	1107	66.65	/	/

Toàn trường số học sinh lên lớp 100%.

c. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh được trúng tuyển vào các cơ sở nghề nghiệp, trúng tuyển vào đại học

- Số lượng HS công nhận hoàn thành chương trình GDPT: 493
- Số lượng HS được cấp bằng tốt nghiệp: 492
- Số lượng HS trúng tuyển vào các trường ĐH –CD: 492

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT AN LÃO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU - CHI NĂM 2024
(Số liệu công khai của năm liền kề trước thời điểm báo cáo - năm 2023)

Đơn vị tính: 1.000đ

STT	Nội dung	Tổng cộng	Nguồn ngân sách nhà nước	Nguồn học phí	Nguồn dạy thêm học thêm	Nguồn học TA người NN	Thu tài trợ cơ sở giáo dục	Nguồn chăm sóc sức khỏe ban đầu	Thu trông coi xe
A	B	$I=I+..8$	2	3	4	5	6	7	8
A	Các khoản phần thu	19 858 183	11 149 000	1 229 056	5 175 912	1 257 446	187 227	48 601	810 941
	Ngân sách nhà nước	12 378 056	11 149 000	1 229 056					
	Thu từ người học	5 175 912			5 175 912				
	Thu học TA có yếu tố NNN	1 257 446				1 257 446			
	Thu tài trợ cơ sở giáo dục	187 227					187 227		
	Thu chăm sóc sức khỏe ban đầu	48 601						48 601	
	Thu trông coi xe	810 941							810 941
B	Các khoản phần chi	19 858 183	11 149 000	1 229 056	5 175 912	1 257 446	187 227	48 601	810 941
I	Các khoản chi cho con người		10 046 476	552 942	4 421 039	1 003 494		46 505	451 368
1	Tiền lương, tiền công		5 808 617	552 942	3 973 317	99 911		46 505	361 389
2	Phụ cấp lương		2 737 430						
3	Các khoản đóng góp		1 285 967			585 956			
4	Khen thưởng giáo viên								
5	Phúc lợi tập thể				447 722	317 627			89 979
6	Các khoản thanh toán cá nhân		89 166						
7	Trợ cấp nghỉ việc								
8	Chi kinh phí tiết kiệm								
	Chi thu nhập tăng thêm								
	Chi khen thưởng		76 540						
	Chi phúc lợi tập thể		48 756						
II	Chi hoạt động của trường		1 102 524						

1	Chi quản lý hành chính		447 645						
	Thanh toán dịch vụ công cộng		204 265						
	Vật tư văn phòng		38 388						
	Thông tin tuyên truyền liên lạc		59 787						
	Hội nghị		28 945						
	Công tác phí		34 260						
	Chi phí thuê, mượn		82 000						
2	Mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hoạt động giáo dục		654 879	285 609	754 873	236 893	187 227	2 096	234 350
	Sửa chữa tài sản phục vụ chuyên môn		247 562						
	Mua sắm tài sản phục vụ chuyên môn		168 246						
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn		202 908	364 106				2 000	
	Chi phí khác		36 163	26 400				96	
3	Chi nghĩa vụ với nhà nước					17 059			125 244

An Lão, ngày tháng 9 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Hương Sen

Trần Đức Ngọc

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT AN LÃO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU VÀ MỨC THU ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC

STT	Nguồn thu	Số học sinh	Định mức/HS	Số tháng	Dự kiến thu năm học 2024-2025	Dự kiến thu năm học 2025-2026	Dự kiến thu năm học 2026-2027	Văn bản pháp lý
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4 = I x 2 x 3</i>	<i>5 = I x 2 x 3</i>	<i>6 = I x 2 x 3</i>	<i>C</i>
1	Học phí	1755	77,000	9	1,216,215,000			
2	Dạy thêm học thêm	1715	480,000	8	6,585,600,000			
3	Bảo hiểm y tế Khối 10,11	1056						
	Bảo hiểm y tế Khối 12	560						
4	Bảo hiểm tai nạn	1540	150,000					

KẾ TOÁN

An Lão, ngày tháng 9 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT AN LÃO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI CHÍNH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

Đơn vị đồng

Stt	Nội dung	Tổng số học sinh toàn trường	Số học sinh được hưởng	Định mức	Tháng	Thành tiền
A	B	1	2	3	4	5=2x3x4
	TỔNG CỘNG					25 197 000
1	Học bổng học sinh khuyết tật					
2	Hỗ trợ mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập cho trẻ khuyết tật					
3	Hỗ trợ chi phí học tập					
	Học kì I (căn cứ số năm 2023)		14	150000	4	8 400 000
	Học kì II (căn cứ số năm 2024)		11	150000	5	8 250 000
4	Miễn giảm học phí					
	<i>Số học sinh được miễn</i>		10	77000	9	6 930 000
	Học kì I (căn cứ số năm 2023)		4	77000	4	1 232 000
	Học kì II (căn cứ số năm 2024)		1	77000	5	385 000
	<i>Số học sinh được giảm 50%</i>		0			0
	Học kì I (căn cứ số năm 2023)		0			0
	Học kì II (căn cứ số năm 2024)		0			0

An Lão, ngày tháng 9 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

KẾ TOÁN

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT AN LÃO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI CHÍNH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

Đơn vị đồng

Stt	Diễn giải	Số dư đầu năm	Số thu/trích trong năm	Tổng sử dụng trong năm	Số chi trong năm	Số dư cuối năm
A	B	1	2	3=1+2	4	5=3-4
	TỔNG CỘNG					
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp					
2	Quỹ bổ sung thu nhập					
3	Quỹ phúc lợi	0	855 328 000	855 328 000	855 328 000	0
4	Quỹ khen thưởng	0	76 540 000	76 540 000	76 540 000	0

KẾ TOÁN

An Lão, ngày tháng 9 năm 2024
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

1. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi

Loại giải	Số học sinh đạt giải	So với năm học 2022-2023
Nhất	07	Tăng 03
Nhì	34	Tăng 22
Ba	29	Giảm 1
KK	42	Tăng 16
Tổng	112	Tăng 40
Xếp hạng bảng B	10	Tăng 1 bậc

2. Công tác triển khai thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, giáo dục định hướng STEM

2.1. Việc đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

2.2. Công tác giáo dục STEM

* *Kết quả đã đạt:* Trong năm học qua nhà trường đã chỉ đạo lên lớp 50 tiết dạy học STEM. Đặc biệt xây dựng tham gia có hiệu quả Ngày hội Stem cấp huyện, cấp thành phố

* *Những tồn tại hạn chế:* Còn một số bộ phận GV ngại đổi mới chưa mạnh dạn thực hiện triển khai công tác này.

3. Về việc triển khai, thực hiện cuộc thi KHKT; Toán và KHTN bằng tiếng Anh; IELTS.

- Tổ chức Cuộc thi ý tưởng KH cho học sinh toàn trường, thi KHKT cấp trường có 45 dự án tham gia dự thi và chọn 05 dự án dự thi cấp thành phố và trong cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp thành phố dành cho học sinh trung học nhà trường đạt 01 giải Nhì và 3 giải Tư.

- Ngay từ đầu năm học nhà trường đã triển khai cụ thể việc dạy và học ngoại ngữ theo hướng tăng cường tiếng Nhật Bản, Hàn Quốc đến học sinh khối 10; tổ chức tư vấn việc học IELTS đối với học sinh nhà trường, kết quả đến thời điểm hiện tại có 10 học sinh đạt từ 7.0 trở lên.

4. Công tác Giáo dục đạo đức lối sống

* *Kết quả đã đạt:* Trong năm học qua không có tình trạng HS bị thương tích vì tai nạn giao thông.

* *Những tồn tại hạn chế:* Một số phụ huynh còn chưa ý thức cao trong VĐ nhắc

nhờ phối hợp cho HS khi tham gia giao thông, còn đề HS đi xe điện tùy tiện.

5. Công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh

*) *Kết quả đã đạt:* Cơ bản trang bị cho HS những kiến thức kỹ năng lao động cần thiết khi HS hết L12 có thể tham gia lao động sản xuất.

*) *Những tồn tại hạn chế:* Việc tuyên truyền ND này còn chưa sâu rộng. ND dạy còn chưa đa dạng.

6. Việc thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường

*) *Kết quả đã đạt:* Đảm bảo đủ các loại hồ sơ, đảm bảo tính pháp lý, cập nhật thông tin thường xuyên.

*) *Những tồn tại hạn chế:* Do tình trạng tinh giản nên việc dồn bộ phận phụ trách còn chông chéo công việc, không chuyên sâu ảnh hưởng khó khăn trong công tác chỉ đạo

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2023-2024 của trường THPT An Lão, nhà trường công khai đến Lãnh đạo, Cha mẹ học sinh, đội ngũ CBGV-NV nhà trường để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong năm học 2024-2025.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Trần Đức Ngọc

¹ Mẫu Báo cáo thường niên chỉ quy định các yêu cầu thông tin bắt buộc; tiêu đề, thứ tự chương mục và hình thức trình bày thông tin do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thể hiện rõ nội dung của thông tin theo yêu cầu.

² Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

³ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁴ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁵ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁶ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁷ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁸ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành.